

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Số 160 /CBTT-HHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty : **Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na**

Trụ sở chính : Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung,
phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 02383.588.766

Fax : 02383.588.767

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ : Phó Giám đốc

Địa chỉ : Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0983552266

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Toàn bộ nội dung Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://huana.com.vn> mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Thông báo mời họp.
- Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

**Người thực hiện công bố thông tin
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** 08h00' thứ 5, ngày 15 tháng 4 năm 2021 (tiếp đón từ 7h15')
- 2. Địa điểm:** Phòng họp Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- 3. Đối tượng tham dự:** Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 18/3/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
- 4. Nội dung đại hội:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sẽ xem xét thông qua các nội dung sau:
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021;
 - Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020;
 - Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2021;
 - Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021;
 - Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
 - Tờ trình Thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.



5. **Tài liệu liên quan đến Đại hội:** Các tài liệu liên quan đến Đại hội, mẫu Giấy đăng ký tham dự, Giấy ủy quyền tham dự, ... được đăng tải trên Website của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na theo địa chỉ: <http://huana.com.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.

6. **Đăng ký tham dự đại hội:**

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức, kính đề nghị quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự họp Đại hội bằng hình thức gửi thư hoặc fax hoặc gửi thư điện tử trước ngày 13/4/2021 theo địa chỉ:

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383.588.766;

Fax: 02383.588.767

Thư điện tử: vanthuhc@gmail.com

- Cổ đông khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của người ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền).

Rất mong sự hiện diện đầy đủ của Quý cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thành công tốt đẹp./.

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban điều hành Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

1. Bên ủy quyền:

- Tên cổ đông:.....
- Số CMND/GPĐKKD:.....cấp ngày.....tại.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:....., Số fax:.....
- Đang sở hữu..... Cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na theo danh sách chốt ngày 18/3/2021.

2. Bên nhận ủy quyền:

- Họ và tên:.....
- Số CMND/Passport.....cấp ngày.....tại.....
- Địa chỉ:.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na có tên dưới đây (đánh dấu “✓” để chọn):

- Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT
- Ông Trịnh Bảo Ngọc - Ủy viên HĐQT, Giám đốc
- Ông Nguyễn Xuân Sơn - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc

- Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần.

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na tổ chức vào ngày 15/4/2021 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na kết thúc.

....., ngày ... tháng năm 2021

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Tên cổ đông:.....

Số CMND:....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Số ĐKKD (đối với tổ chức):....., ngày cấp.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:....., Số fax:.....

Hiện đang sở hữu (tính đến ngày 18/3/2021) Cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được tổ chức vào ngày 15/4/2021 tại Phòng họp Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na, tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

....., ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG
(Ký tên/đóng dấu)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: Thứ 5, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Phòng họp Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

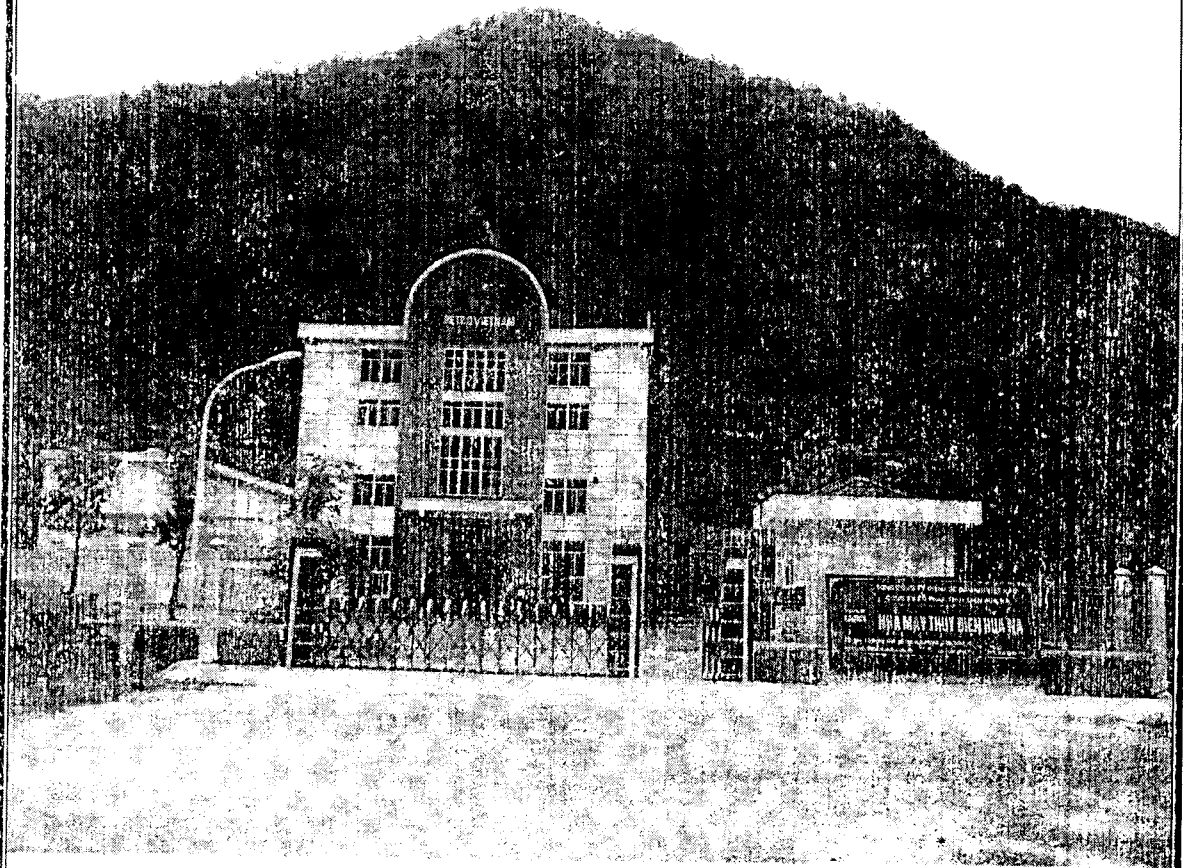
Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
07h15~08h00	- Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Tổ chức
08h00~08h15	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời	Ban Tổ chức
	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	Ban Tổ chức
08h15~08h30	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Thể lệ biểu quyết	Đoàn chủ tịch
08h30~10h00	- Thông qua các Báo cáo, Tờ trình	
	✓ Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	Đoàn chủ tịch
	✓ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	Đoàn chủ tịch
	✓ Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021	Trưởng BKS
	✓ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020	Đoàn chủ tịch
	✓ Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2020	
	✓ Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021	
	✓ Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	
✓ Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021		
✓ Tờ trình Thông qua phương án phát hành trái phiếu		
10h00~10h30	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	
10h30~10h40	- Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết)	Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu
10h40~10h50	- Phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	
10h50~11h10	- Nghỉ giải lao và kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11h10~11h20	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
11h20~11h30	- Thông qua Biên bản và Bế mạc Đại hội	Ban thư ký, Đoàn chủ tịch



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Nghệ An, tháng 4 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: Thứ 5, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí
Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

STT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Chương trình Đại hội	
2	Quy chế Tổ chức đại hội; Thê lệ biểu quyết.	
3	Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	
4	Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	
5	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021	
6	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020	
7	Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2021	
8	Tờ trình về việc thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021	
9	Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	
10	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	
11	Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu	
12	Phiếu biểu quyết	
13	Dự thảo Nghị quyết	



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: Thứ 5, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Phòng họp Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
07h15~08h00	- Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Tổ chức
08h00~08h15	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời	Ban Tổ chức
	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	Ban Tổ chức
08h15~08h30	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Thê lệ biểu quyết	Đoàn chủ tịch
08h30~10h00	- Thông qua các Báo cáo, Tờ trình	
	✓ Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	Đoàn chủ tịch
	✓ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	Đoàn chủ tịch
	✓ Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021	Trưởng BKS
	✓ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020	Đoàn chủ tịch
	✓ Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2020	
	✓ Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021	
	✓ Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	
✓ Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021		
✓ Tờ trình Thông qua phương án phát hành trái phiếu		
10h00~10h30	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	
10h30~10h40	- Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết)	Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu
10h40~10h50	- Phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	
10h50~11h10	- Nghỉ giải lao và kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11h10~11h20	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
11h20~11h30	- Thông qua Biên bản và Bế mạc Đại hội	Ban thư ký, Đoàn chủ tịch

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng, Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na và quyền, nghĩa vụ của các bên tham dự Đại hội;
- Các cổ đông của công ty và các đối tượng tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
2. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:
 - Được thông báo mời họp qua thư mời được gửi đến địa chỉ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, qua báo chí, trên website của Công ty (<http://huana.com.vn>). Tài liệu đại hội được Ban tổ chức đăng tải công khai trên website của Công ty và phát cho cổ đông tại Đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
 - Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của Đại hội.
 - Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

3. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội:
- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
 - Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
 - Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.
 - Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy Ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu) và Thư mời tham dự trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
 - Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.
 - Để thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội, cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự về Công ty theo địa chỉ và thời gian ghi trên Thư mời họp.
 - Cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết,...
 - Nghiêm túc chấp hành nội quy đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử (Trưởng Ban kiểm soát làm trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông).
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện:
 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Giấy tờ tùy thân (CMND, hộ chiếu); Thư mời; Giấy ủy quyền (nếu có);
 - Phát tài liệu liên quan đến Đại hội cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội được chính thức tiến hành.
- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:
 - Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội; Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước đại hội.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tọa điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở công việc diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Ban thư ký

- Ban thư ký Đại hội được Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tọa, cụ thể như sau:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết tại Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại “*Thế lệ biểu quyết*”.

Điều 9. Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của đại hội.
- Căn cứ kết quả tại Đại hội, chủ tọa ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 10. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 10 Điều được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức vào ngày 15/4/2021 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2021

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Để đảm bảo sự thành công của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người được ủy quyền, người Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức cung cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có in sẵn Mã số cổ đông, Tên cổ đông và số cổ phần sở hữu.

1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội đối với các nội dung như: Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Nội dung chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế Đại hội; Thẻ lệ biểu quyết của Đại hội; Biên bản - Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết 03 lần theo trình tự: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Ý kiến khác”**.

2. Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại điểm 1) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”**, đối với từng nội dung trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty, có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, biểu quyết có đánh dấu lựa chọn chỉ vào 1 trong 3 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là: Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty; Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ; Biểu quyết có đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô đối với một nội dung biểu quyết hoặc không đánh dấu lựa chọn vào ô biểu quyết nào; Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa; Phiếu bị tách rời, không còn nguyên vẹn; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành

Số: 152/BC-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 gồm 05 thành viên trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và 01 thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách Hội đồng quản trị năm 2021 như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 19/4/2018
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	Từ ngày 19/4/2018
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó giám đốc	Từ ngày 19/4/2018
4	Lê Hải Long	TV HĐQT	Từ ngày 19/4/2018
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT	Từ ngày 19/4/2018

Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm và thành viên HĐQT độc lập đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Cổ đông và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh điện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.

Năm 2020, HĐQT tiến hành 04 cuộc họp và ban hành 61 văn bản (Nghị quyết, Quyết định) cụ thể: Ban hành 04 Nghị quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và 57 Nghị quyết/Quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HHC-HĐQT	13/01/2020	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung dự thảo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn giữa Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na và Ngân hàng TMCP Phương đông - CN Nghệ An
2	02/QĐ-HHC-HĐQT	13/01/2020	Tạm phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng Vận hành an toàn thực hiện năm 2019 của Người quản lý Công ty và NLD Công ty CPTĐ Hòa Na
3	03/QĐ-HHC-HĐQT	14/01/2020	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2020 hệ thống thiết bị nhà máy thủy điện Hòa Na
4	04/QĐ-HHC-HĐQT	14/01/2020	Tạm trích Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty từ lợi nhuận năm 2019
5	05/QĐ-HHC-HĐQT	15/01/2020	Chi Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty năm 2019
6	06/QĐ-HHC-HĐQT	17/01/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu bảo dưỡng định kỳ năm 2020 tiêu tu hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na
7	07/QĐ-HHC-HĐQT	17/01/2020	Phê duyệt đề cương dự toán gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu cơ hội đầu tư, bổ sung quy hoạch dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na A
8	08/NQ-HHC-HĐQT	31/01/2020	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức vụ Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
9	08/QĐ-HHC-HĐQT	05/02/2020	Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
10	09/QĐ-HHC-HĐQT	05/02/2020	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
11	10/NQ-HHC-HĐQT	02/03/2020	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty cổ phần thủy Hòa Na

12	11/NQ-HHC-HĐQT	02/03/2020	Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
13	12/QĐ-HHC-HĐQT	06/03/2020	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục công trình hoàn thành Hợp đồng 171/HĐ/QLDA.HN-THACHPHAT
14	13/QĐ-HHC-HĐQT	09/03/2020	Phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025
15	14/QĐ-HHC-HĐQT	12/03/2020	Phê chuẩn dự thảo Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 382-2008 - HĐTĐĐT-NHPT
16	15/QĐ-HHC-HĐQT	20/03/2020	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu khảo sát, lập quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực Nhà máy thủy điện Hòa Na
17	01-2020/NQ-HHC-HĐQT	27/03/2020	Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na định kỳ lần thứ 01 năm 2020
18	16/NQ-HHC-HĐQT	27/03/2020	Thông qua chủ trương Bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Phó trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch
19	17/QĐ-HHC-HĐQT	03/04/2020	Phê duyệt định mức Kinh tế - Kỹ thuật áp dụng trong năm 2020 cho Nhà máy thủy điện Hòa Na
20	18/NQ-HHC-HĐQT	03/04/2020	Thông qua việc xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
21	19/NQ-HHC-HĐQT	09/04/2020	Thông qua phân bổ cổ phiếu mua bổ sung trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (đợt 2)
22	20/QĐ-HHC-HĐQT	13/04/2020	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Cải tạo, thanh thải hạ lưu kênh xả nhà máy thủy điện Hòa Na

23	21/QĐ-HHC-HĐQT	21/04/2020	Phê duyệt đề cương, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu dịch vụ Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na - thời hạn 12 tháng, thời hiệu 2020-2021
24	22/NQ_HHC-HĐQT	23/04/2020	Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
25	23/QĐ-HHC-HĐQT	08/06/2020	Thành lập tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cải tạo, thanh thải hạ lưu kênh xả Nhà máy thủy điện Hủa Na
26	02-2020NQ-HHC-HĐQT	09/06/2020	Nghị quyết phiên họp HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na định kỳ lần thứ 02 năm 2020
27	24/QĐ-HHC-HĐQT	09/06/2020	Thành lập tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Khảo sát lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy thủy điện Hủa Na
28	27/QĐ-HHC-HĐQT	17/06/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cải tạo, thanh thải hạ lưu kênh xả Nhà máy thủy điện Hủa Na
29	28/QĐ-HHC-HĐQT	17/06/2020	Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động năm 2020 của Hội đồng BT,HT & TĐC công trình thủy điện Hủa Na
30	29/QĐ-HHC-HĐQT	17/06/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy thủy điện Hủa Na
31	30/QĐ-HHC-HĐQT	24/06/2020	Phê duyệt chi phí dịch vụ kiểm toán, kết quả chỉ định thầu và nội dung Hợp đồng gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
32	31/QĐ-HHC-HĐQT	09/07/2020	Phê duyệt tham gia chương trình Bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
33	32/QĐ-HHC-HĐQT	13/07/2020	Phê duyệt chủ trương mua xe ô tô phục vụ quản lý vận hành, sản xuất kinh doanh của Công ty công ty cổ phần Hủa Na

34	33/QĐ-HHC-HĐQT	15/07/2020	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành công trình Khu nhà làm việc và nhà ở CBCNV tại Nhà máy thủy điện Hòa Na
35	34/QĐ-HHC-HĐQT	15/07/2020	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
36	35/QĐ-HHC-HĐQT	17/07/2020	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy TĐ Hòa Na, thời hạn 12 tháng, thời hiệu 2020-2021
37	36/QĐ-HHC-HĐQT	29/07/2020	Phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận năm 2020
38	37/QĐ-HHC-HĐQT	29/07/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na thời hạn 12 tháng, thời hiệu 2020-2021
39	38/QĐ-HHC-HĐQT	30/07/2020	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty
40	39/QĐ-HHC-HĐQT	07/08/2020	Phê duyệt danh sách các Tổ chức tín dụng được Công ty lựa chọn để thực hiện tiền gửi
41	40/QĐ-HHC-HĐQT	01/09/2020	Phê duyệt phương án xử lý tài sản khu văn phòng làm việc, nhà ở cũ tại khu văn phòng đầu mối Nhà máy thủy điện Hòa Na đã hết khấu hao không còn sử dụng
42	41/QĐ-HHC-HĐQT	01/09/2020	Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2019 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2020
43	42/QĐ-HHC-HĐQT	01/09/2020	Phê duyệt và ban hành Quy trình quản lý hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
44	43/QĐ-HHC-HĐQT	17/09/2020	Phê duyệt giá trị quyết toán công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2020 hệ thống thiết bị nhà máy thủy điện Hòa Na

45	03-2020/NQ-HHC-HĐQT	18/09/2020	Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na định kỳ lần thứ 03 năm 2020
46	44/QĐ-HHC-HĐQT	21/09/2020	Phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025
47	45/QĐ-HHC-HĐQT	21/10/2020	Tạm dừng triển khai dự án thủy điện Hòa Na A tại xã Đồng Văn, Quế Phong, Nghệ An
48	46/QĐ-HHC-HĐQT	21/10/2020	Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa lớn Hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2021
49	47/QĐ-HHC-HĐQT	29/10/2020	Phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ từ nguồn sản xuất kinh doanh và vốn vay
50	48/QĐ-HHC-HĐQT	24/11/2020	Phê duyệt giá trị dự toán chi phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na cho chu kỳ từ năm 2021-2024
51	49/QĐ-HHC-HĐQT	24/11/2020	Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư, thiết bị dự phòng Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2020
52	50/NQ-HHC-HĐQT	30/11/2020	Thông qua chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn
53	51/QĐ-HHC-HĐQT	07/12/2020	Thành lập TTD kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp VTTB cơ khí và thiết bị điện phục vụ sửa chữa lớn NMTĐ Hòa Na năm 2021
54	52/QĐ-HHC-HĐQT	10/12/2020	Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Sửa chữa lớn hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na
55	53/QĐ-HHC-HĐQT	11/12/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị cơ khí phục vụ sửa chữa lớn NMTĐ Hòa Na

56	54/QĐ-HHC-HĐQT	11/12/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư điện cơ khí phục vụ sửa chữa lớn NMTĐ Hòa Na
57	04-2020/NQ-HHC-HĐQT	19/12/2020	Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na định kỳ lần thứ 04 năm 2020
58	55/QĐ-HHC-HĐQT	28/12/2020	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư, thiết bị dự phòng Nhà máy năm 2020
59	56/QĐ-HHC-HĐQT	30/12/2020	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
60	57/QĐ-HHC-HĐQT	31/12/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp VTTB dự phòng NMTĐ Hòa Na năm 2020
61	58/QĐ-HHC-HĐQT	31/12/2020	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 hiệu chỉnh

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành đều phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty để quản lý, quản trị Công ty và kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý Công ty.

Định kỳ hàng tháng hoặc bất thường, chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng/Phân xưởng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo giải quyết xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

Quản lý, quản trị chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT/ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị lấy ý kiến các ủy viên/cô đồng bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT kịp thời.

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên tuyên truyền Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao

hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2020.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị nhà máy kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực, ... đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao.

- Giao cho Ban Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2020.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

3. Lương, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020

3.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	794.082.888
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	794.082.888
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, PGĐ	12	724.123.207
4	Lê Hải Long	TV HĐQT	12	60.000.000
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT	12	60.000.000
	TỔNG CỘNG			2.432.288.983

3.2. Chi phí hoạt động

Tổng kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị là: 272.497.169 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Công tác sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Kế hoạch hiệu chỉnh 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện so với KH ban đầu	Tỷ lệ thực hiện so với KH hiệu chỉnh
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h	650,30	550,64	566,83	87%	103%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	705,94	582,54	606,06	86%	104%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,87	571,20	570,59	90%	100%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	72,08	11,34	35,47	49%	313%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	166,63	130,79	135,27	81%	103%
6	Giá điện bình quân trước thuế, phí	đ/kWh	939,37	908,41	920,44	98%	101%

a) Chỉ tiêu sản lượng điện: Sản lượng điện năm 2020 đạt 566,83/550,64 triệu kWh, đạt 103% kế hoạch hiệu chỉnh, tuy nhiên chỉ bằng 87% so với kế hoạch được duyệt đầu năm (650,3 triệu kWh). Sản lượng điện năm 2020 không đạt so với kế hoạch đã được phê duyệt đầu năm là do các nguyên nhân chính như sau:

- Điều kiện khí tượng thủy văn bất lợi:

Năm 2020 lưu vực hồ Hòa Na tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn của hiện tượng thời tiết bất lợi, khô hạn, lưu lượng nước về hồ trong 9 tháng đầu năm rất thấp, bình quân 9 tháng chỉ đạt 51,85m³/s bằng 57% so với trung bình nhiều năm (90,23 m³/s). Mực nước hồ đầu năm 2020 thấp hơn nhiều so với mực nước dâng bình thường.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19: Từ nửa cuối tháng 10/2020, lưu lượng nước về hồ đã được cải thiện, Công ty đã chào giá để khai thác tối đa lượng nước về hồ, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên phụ tải toàn hệ thống giảm mạnh, đồng thời khu vực miền Trung đang trong cao điểm mùa mưa bão nên một số thời điểm nhà máy vẫn không được huy động tối đa công suất. Đến giữa tháng 11 và tháng 12 lưu lượng nước về hồ đã giảm nhanh và chỉ xấp xỉ lưu lượng trung bình nhiều năm.

- Nguyên nhân khác: Mức nước hồ bị giới hạn bởi mức nước tối thiểu theo quy trình vận hành liên hồ chứa và mức nước giới hạn tuân do Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia tính toán, công bố nên ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành trong thời gian cuối năm 2020.

Đây là các yếu tố khách quan không lường trước được, mặc dù Công ty đã rất chú trọng công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa để đảm bảo các tổ máy luôn khả dụng, tin cậy, sẵn sàng phát điện lên hệ thống điện quốc gia.

b) Doanh thu, lợi nhuận: Tổng doanh thu năm 2020 đạt 606,06/582,54 tỷ đồng (trong đó doanh thu bán điện trước thuế/phí 521,73/500,21 tỷ đồng), bằng 104% so với tổng doanh thu kế hoạch hiệu chỉnh, nhưng chỉ đạt 86% so với tổng doanh thu kế hoạch được duyệt đầu năm (705,94 tỷ đồng) (trong đó doanh thu bán điện trước thuế/phí 521,73/610,87 tỷ đồng). Với doanh thu và sản lượng thực hiện như trên, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 35,47 tỷ đồng. Doanh thu thực hiện năm không đạt như kỳ vọng so với kế hoạch đầu năm được duyệt nguyên nhân do:

- Điều kiện thủy văn bất lợi như trên dẫn tới sản lượng điện giảm, do đó doanh thu cũng giảm theo.

- Doanh thu thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng giảm do sản lượng điện thương mại giảm.

- Từ nửa cuối tháng 10 lưu lượng nước về hồ tăng, nhà máy đã chào giá để phát tối đa công suất, tuy nhiên do giá thị trường tháng 10,11,12 rất thấp nên doanh thu cải thiện không đáng kể.

2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đầu tư xây dựng

2.1. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng:

- Công tác quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên:

+ Công tác quản lý vận hành: Trong năm nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia, phù hợp với tình hình khí tượng thủy văn trên lưu vực và hoạt động của nhà máy trên thị trường điện.

+ Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

+ Công tác thị trường điện: Thời gian qua, Tổ thị trường đã hoạt động trên thị trường tương đối hiệu quả. Mặc dù lưu lượng nước về hồ thấp nhưng Tổ thị trường điện đã tính toán, chào giá đạt hiệu quả cao, khai thác được hiệu quả nguồn nước, tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (tiểu tu) năm 2020: Được thực hiện theo đúng kế hoạch đã duyệt, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, các tổ máy sửa chữa định kỳ hoạt động ổn định và an toàn.

2.2. Bảo trì và đầu tư công trình xây dựng:

Cơ bản đã hoàn thành công tác xây dựng khu nhà làm việc, nhà ở cho cán bộ công nhân viên; hoàn thành công tác cải tạo hệ thống cấp nước cứu hỏa và một số công việc sửa chữa nhỏ lẻ khác ... theo kế hoạch.

3. Công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ

3.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2020 là: 115 người,

Cơ cấu lao động cụ thể:

+ Giới tính: 97 lao động nam và 18 lao động nữ;

+ Hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 07 người chiếm 6,1%; HĐLĐ không xác định thời hạn: 44 người chiếm 37,7%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 64 người chiếm 56,1%.

- Thu nhập bình quân năm 2020 là 17,7 triệu đồng/người/tháng.

3.2. Công tác đào tạo: Trong năm 2020, Công ty đã ký hợp đồng Huấn luyện An toàn lao động, vệ sinh lao động năm 2020; đào tạo ngắn hạn về chuyên môn như: Tiện phay bào; Bảo dưỡng sửa chữa máy biến áp; hợp đồng Bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na; đào tạo văn bằng 2 về chuyên ngành điện cho một số CBCNV.

3.3. Công tác an sinh xã hội:

- Hỗ trợ Trường tiểu học Thông Thụ 2, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (địa bàn tái định cư của dự án) xây dựng nhà học 2 tầng, 6 phòng với tổng giá trị 3,304 tỷ đồng. Tiến độ giải ngân sẽ được thực hiện theo tiến độ thanh toán của các hợp đồng mà địa phương ký kết với các nhà thầu.

- Hỗ trợ dân sinh, ưu tiên chia sẻ khó khăn, hỗ trợ phát triển, xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Các CBCNV trong Công ty tích cực hưởng ứng, tham gia công tác an sinh xã hội, đóng góp vào các quỹ từ thiện theo khả năng và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Tạo điều kiện và khuyến khích CBCNV tăng gia sản xuất tại đơn vị để phục vụ cho đời sống CBCNV.

- Hỗ trợ CBCNV có đời sống gặp nhiều khó khăn; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của CBCNV trong Công ty.

- Hỗ trợ thăm hỏi cán bộ CNVLD không may bị ốm đau, tai nạn; công tác khuyến học khuyến tài,...

3.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM:

- Công tác an toàn vệ sinh lao động: Thường xuyên tổ chức tuyên truyền công tác ATVSLĐ-PCCN-BVMT cho các CBCNV; Thực hiện cấp phát các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc; khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, bố trí phòng và cán bộ trực y tế tại Nhà máy, trang bị tủ thuốc cấp cứu, phương tiện cấp cứu tại chỗ như băng ca, nẹp và đã thực hiện diễn tập các tình huống cấp cứu thông dụng.

- Công tác PCCC: Ban chỉ huy PCCC và Đội xung kích bảo vệ, tự vệ, phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu tình huống khẩn cấp, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được Công ty thành lập thường xuyên tập luyện, tuần tra xung quanh khu vực công ty quản lý; các phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, các bình bột và bình CO2 chữa cháy đặt tại các tầng, sàn của nhà máy luôn được kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo ở chế độ hoạt động, sẵn sàng đáp ứng khi có tình huống khẩn cấp.

- Công tác quản lý môi trường: Thực hiện đầy đủ các báo cáo về môi trường định kỳ gửi các cấp quản lý theo yêu cầu.

- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Công ty quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh của Nhà nước.

4. Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đã thực hiện như sau:

- Công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ: Tổng số tiền đã chi trả thực tế đến nay là 1.510,32 tỷ đồng/1.558,93 tỷ đồng (đạt 96,9% giá trị so với TMĐT).

- Cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, ...): Đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, nghiệm thu đưa vào sử dụng theo đúng quy định.

- Nơi ở và sinh hoạt: các hộ dân tái định cư đã cơ bản ổn định nơi ở, sản xuất, canh tác (trong đó dự án xây dựng 335/878 nhà ở, 543 hộ còn lại tự xây dựng nhà ở).

- Công tác giao đất đã thực hiện như sau: Đất ở: 878 hộ với tổng diện tích là 55,16 ha; Đất sản xuất nông nghiệp (hàng năm, lâu năm): 878 hộ, với tổng diện tích là 950,58 ha; Đất trồng lúa nước: 760 hộ, với tổng diện tích là 61,03 ha; Đất rừng: 877 hộ, với tổng diện tích là 3.537,71 ha.

5. Tình hình tài chính

5.1. Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	So sánh 2020/2019 (%)
1	Tài sản ngắn hạn	190.792.507.996	287.700.102.413	150,79%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	120.711.063.153	73.971.681.803	61,28%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	46.080.395.231	189.039.017.682	410,24%
-	Hàng tồn kho	23.347.053.038	24.271.040.256	103,96%
-	Tài sản ngắn hạn khác	653.996.574	418.362.672	63,97%

2	Tài sản dài hạn	4.102.115.627.168	3.823.813.005.427	93,22%
-	Tài sản cố định	4.064.729.244.982	3.787.480.070.147	93,18%
-	Tài sản dở dang dài hạn	20.442.254.830	24.842.057.116	121,52%
-	Tài sản dài hạn khác	16.944.127.356	11.490.878.164	67,82%
	Tổng tài sản (1+2)	4.292.908.135.164	4.111.513.107.840	95,77%
3	Nợ phải trả	1.760.501.615.731	1.456.593.185.294	82,73%
-	Nợ ngắn hạn	593.649.460.888	634.258.175.859	106,84%
-	Nợ dài hạn	1.166.852.154.843	822.335.009.435	70,47%

5.2. Tài sản

Nhìn chung, tài sản của Công ty không biến động nhiều giữa các năm. Tính đến 31/12/2020, tổng tài sản của Công ty năm 2020 là hơn 4.111 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2019. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 50,79%, tài sản dài hạn giảm 6,78%.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chủ yếu là các khoản phải thu tiền điện tháng 11 và 12 năm 2020 do chưa đến hạn thanh toán (2 khoản này Công ty đã thu về hết trong tháng 01, 02/2021) và tiền gửi ngân hàng.

5.3. Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2020, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 1.456 tỷ đồng giảm hơn 304 tỷ đồng so với năm 2019.

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Ông Hoàng Xuân Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn; dự án đầu tư quy mô lớn; công tác quản lý vốn, tài sản công ty; Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cổ phần, cổ phiếu, quan hệ cổ đông, hợp tác đối ngoại; Công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự và đào tạo, thi đua khen thưởng của Công ty; Công tác tài chính kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

2. Ông Trịnh Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Trịnh Bảo Ngọc đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

3. Ông Nguyễn Xuân Sơn – Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Xuân Sơn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Trực tiếp phụ trách lĩnh vực: Xây dựng các quy chế và quy định quản lý nội bộ; Các chế độ chính sách đối với người lao động, định mức lao động, tiền lương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty; công tác pháp chế, kiểm soát nội bộ; công tác phát triển kỹ thuật, khoa học và công nghệ; công tác văn hóa doanh nghiệp.

4. Ông Lê Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Lê Hải Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

5. Ông Vũ Văn Tâm – Thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Văn Tâm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc và người điều hành khác (gọi chung là Ban điều hành) trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban điều hành Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Trong năm 2020, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020, HĐQT Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

a. Các chỉ tiêu chính:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	625,20
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	685,49
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	616,74
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	68,75
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	65,313
6	Đào tạo (164 lượt người)	Tỷ đồng	1,09
7	Giá thành	Đồng/kWh	986,47
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	161,92
9	Lao động	Người	117
10	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	36,479

b. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức/danh mục vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền (vay vốn lưu động, phát hành trái phiếu, giãn nợ ...) đảm bảo cân đối dòng tiền năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo thu nhập và chế độ, chính sách cho người lao động. Phân đấu mức lương/thu nhập cao hơn năm 2020.

- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Các nội dung khác theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.

2. Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm tài sản, vật tư, thiết bị.

- Tổ chức thực hiện công tác sửa chữa lớn Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và an toàn phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua.

- Mua sắm vật tư, thiết bị bao gồm: Mua sắm vật tư thiết bị dự phòng bắt buộc, vật tư dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên; vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ Nhà máy; các vật tư công cụ cần thiết khác đảm bảo đủ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phù hợp với nhu cầu thực tế, hạn chế tồn kho để phục vụ trực tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. Công tác đầu tư xây dựng

- Dự án thủy điện Hòa Na A: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã tạm dừng triển khai dự án thủy điện Hòa Na A. Công ty đã thực hiện nghiệm thu thanh toán/thanh lý những phần việc đã thực hiện theo quy định.

- Dự án điện năng lượng mặt trời: Với hiện trạng lòng hồ không thuận lợi (chênh lệch mực nước lớn tới 25m, địa hình dốc). Do đó, hiện nay Công ty đang xem xét tìm kiếm đối tác để nghiên cứu bổ sung, khảo sát, đánh giá cụ thể về tính khả thi của dự án.

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như: Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà đồng bào tái định thuộc dự án thủy điện Hủa Na trong các dịp lễ, tết; Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid-19, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn; Tham gia các chương trình xây dựng các công trình nhà cộng đồng, trường học tại vùng sâu vùng xa.

- Tham gia các sự kiện về môi trường như: Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới; Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các phong trào nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty.

- Tổ chức giao lưu; tổ chức các buổi hội thảo theo từng chuyên đề liên quan với các đơn vị trong ngành hoặc đơn vị liên quan để trao đổi, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm để phục vụ công tác vận hành, sửa chữa thực tế tại nhà máy.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

2. Về các điều kiện vận hành nhà máy

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa rà soát để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra đối với thiết bị, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2021 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

3. Về công tác tài chính

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng đối với các hạng mục còn lại của dự án.

4. Về công tác quản trị

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường việc quản lý, quản trị, chỉ đạo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất cho Công ty, lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.


Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, TCHC, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Số: 153/BC-HHC

Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và triển khai kế hoạch sản xuất
kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, Ban Giám đốc báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020 và triển khai kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

Phần I:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Tình hình sản xuất kinh doanh điện

1. Thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính năm 2020 đạt được như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Kế hoạch hiệu chỉnh 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện so với KH ban đầu	Tỷ lệ thực hiện so với KH hiệu chỉnh
I	Sản lượng điện	Tr.kw.h	650,30	550,64	566,83	87%	103%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	705,94	582,54	606,06	86%	104%
1	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ đồng	703,54	580,58	604,20	86%	104%
	Trong đó:						
-	Doanh thu bán điện trước các thuế phí	Tỷ đồng	610,87	500,21	521,73	85%	104%
-	Thuế TN, MT rừng, tiền cấp quyền khai thác sử dụng nước mặt	Tỷ đồng	92,68	80,37	82,46	89%	103%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác	Tỷ đồng	2,40	1,96	1,86	77%	95%
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,87	571,20	570,59	90%	100%
IV	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	72,08	11,34	35,47	49%	313%
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	166,63	130,79	135,27	81%	103%
VI	Giá điện bình quân trước các thuế phí	đ/kWh	939,37	908,41	920,44	98%	101%

2. Đánh giá thực hiện SXKD, quản lý vận hành

2.1. Về sản lượng điện, doanh thu.

a) Chi tiêu sản lượng điện: Sản lượng điện năm 2020 đạt 566,83/550,64 triệu kWh, đạt 103% kế hoạch hiệu chỉnh, tuy nhiên chỉ bằng 87% so với kế hoạch được duyệt đầu năm (650,3 triệu kWh). Sản lượng điện năm 2020 không đạt so với kế hoạch đã được phê duyệt đầu năm là do các nguyên nhân chính như sau:

- Điều kiện khí tượng thủy văn bất lợi:

Năm 2020 lưu vực hồ Hòa Na tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn của hiện tượng thời tiết bất lợi, khô hạn, lưu lượng nước về hồ trong 9 tháng đầu năm rất thấp, bình quân 9 tháng chỉ đạt 51,85m³/s bằng 57% so với trung bình nhiều năm (90,23 m³/s). Mục nước hồ đầu năm 2020 thấp hơn nhiều so với mục nước dâng bình thường.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19: Từ nửa cuối tháng 10/2020, lưu lượng nước về hồ đã được cải thiện, Công ty đã chào giá để khai thác tối đa lượng nước về hồ, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên phụ tải toàn hệ thống giảm mạnh, đồng thời khu vực miền Trung đang trong cao điểm mùa mưa bão nên một số thời điểm nhà máy vẫn không được huy động tối đa công suất. Đến giữa tháng 11 và tháng 12 lưu lượng nước về hồ đã giảm nhanh và chỉ xấp xỉ lưu lượng trung bình nhiều năm.

- Nguyên nhân khác: Mục nước hồ bị giới hạn bởi mục nước tối thiểu theo quy trình vận hành liên hồ chứa và mục nước giới hạn tuần do Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia tính toán, công bố nên ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành trong thời gian cuối năm 2020.

Đây là các yếu tố khách quan không lường trước được, mặc dù Công ty đã rất chú trọng công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa để đảm bảo các tổ máy luôn khả dụng, tin cậy, sẵn sàng phát điện lên hệ thống điện quốc gia.

b) Doanh thu, lợi nhuận: Tổng doanh thu năm 2020 đạt 606,06/582,54 tỷ đồng (trong đó doanh thu bán điện trước thuế/phí 521,73/500,21 tỷ đồng), bằng 104% so với tổng doanh thu kế hoạch năm hiệu chỉnh, nhưng chỉ đạt 86% so với tổng doanh thu kế hoạch được duyệt đầu năm (705,94 tỷ đồng) (trong đó doanh thu bán điện trước thuế/phí 521,73/610,87 tỷ đồng). Với doanh thu và sản lượng thực hiện như trên, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 35,47 tỷ đồng. Doanh thu thực hiện năm không đạt như kỳ vọng so với kế hoạch đầu năm được duyệt nguyên nhân do:

- Điều kiện thủy văn bất lợi như trên dẫn tới sản lượng điện giảm, do đó doanh thu cũng giảm theo.

- Doanh thu thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng giảm do sản lượng điện thương mại giảm.

- Từ nửa cuối tháng 10 lưu lượng nước về hồ tăng, nhà máy đã chào giá để phát tối đa công suất, tuy nhiên do giá thị trường tháng 10,11,12 rất thấp nên doanh thu cải thiện không đáng kể.

2.2. Tình hình quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy

a) Công tác quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng:

- Công tác quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên:

+ Công tác quản lý vận hành: Trong năm nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động nguồn điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia, phù hợp với tình hình khí tượng thủy văn trên lưu vực và hoạt động của nhà máy trên thị trường điện.

+ Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

+ Công tác thị trường điện: Thời gian qua, Tổ thị trường đã hoạt động trên thị trường tương đối hiệu quả. Mặc dù lưu lượng nước về hồ thấp nhưng Tổ thị trường điện đã tính toán, chào giá đạt hiệu quả cao, khai thác được tối đa hiệu quả nguồn nước, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (tiểu tu) năm 2020: Được thực hiện theo đúng kế hoạch đã duyệt, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, các tổ máy sửa chữa định kỳ hoạt động ổn định và an toàn.

b) Công tác đầu tư mới, bảo trì, sửa chữa các công trình xây dựng: Cơ bản đã hoàn thành công tác xây dựng khu nhà làm việc, nhà ở cho cán bộ công nhân viên; hoàn thành công tác cải tạo hệ thống cấp nước cứu hỏa và một số công việc sửa chữa nhỏ lẻ khác ... theo kế hoạch đã duyệt.

II. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Công tác tài chính

- Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019: Kiểm toán nhà nước đã hoàn thành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

- Đối với công tác cân đối dòng tiền: Năm 2020, trước tình hình khó khăn về dòng tiền trả nợ gốc và lãi vay cho các tổ chức tín dụng, Công ty đã chủ động đề nghị giãn các khoản nợ của Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB), tuy nhiên do chưa có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền nên chưa thể thực hiện giãn khoản nợ vay của VDB. Do đó, để chủ động cân đối đủ nguồn vốn chi trả nợ gốc và lãi vay cho các ngân hàng, Công ty đã ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2020/HĐSD,BS-NHPT-NAN ngày 12/3/2020 với Ngân hàng phát triển Nghệ An để điều chỉnh mức trả nợ vốn vay dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Hủa Na, theo đó: Điều chỉnh mức trả nợ gốc năm 2020 từ 310,03 tỷ đồng xuống còn 210,03 tỷ đồng, chuyển số giảm 100 tỷ đồng sang trả nợ vào năm 2022; đồng thời phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể như sau:

+ Số cổ phiếu đã phân phối: 9.573.000 cổ phiếu.

- + Giá phát hành: 10.000 đồng.
- + Tổng số tiền thu về: 95.730.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phiếu hiện tại: 235.232.210 cổ phiếu.

- Công tác trả nợ vốn vay của các tổ chức tín dụng: Đối với công tác trả nợ vốn đầu tư dự án, công tác trả nợ các hợp đồng tín dụng của Công ty đến ngày 31/12/2020 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Hợp đồng	Lãi suất áp dụng hiện tại	Thời gian trả nợ gốc	Hạn mức tín dụng	Lũy kế số đã giải ngân	Lãi vay đã trả	Số đã trả gốc	Dư nợ
1	HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	9,60%	Từ T6/2015-T12/2024	200,00	200,00	135,20	120,00	80,00
2	HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	9,00%	Từ T7/2016-T01/2025	300,00	300,00	94,78	75,02	224,98
3	HĐ tín dụng số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ)	10,50%	Từ T2/2015-T8/2024	328,78	328,78	248,64	116,23	212,55
4	HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	11,00%	Từ T9/2014-T6/2024	371,22	359,54	249,74	233,69	125,85
5	HĐ tín dụng số 382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008	6,90% đến 9,60%	Từ T1/2013-T12/2022	2.240,00	2.240,00	1.273,89	1.617,02	622,98
6	HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011	11%	Từ T1/2013-T02/2018	411,00	411,00	228,79	411,00	-
	Cộng			3.851,00	3.839,32	2.231,05	2.572,97	1.266,35

+ Tổng giá trị đã vay các Ngân hàng: 3.839,32 tỷ đồng.

+ Số tiền nợ gốc đã trả: 2.572,97 tỷ đồng.

+ Số tiền lãi vay đã trả: 2.231,05 tỷ đồng.

+ Dư nợ: 1.266,35 tỷ đồng.

Đến hết năm 2020, Công ty đã thu xếp dòng tiền để trả nợ kịp thời cho các ngân hàng theo quy định của các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đối với vốn vay lưu động: Công ty đã ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP Phương Đông để vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với hạn mức 50 tỷ đồng.

2. Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Đến nay, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đã thực hiện như sau:

- Công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ: Tổng số tiền đã chi trả thực tế đến nay là 1.510,32 tỷ đồng/1.558,93 tỷ đồng (đạt 96,9% giá trị so với TMDT được duyệt).

- Cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, ...): Đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, nghiệm thu đưa vào sử dụng theo đúng quy định.

- Nơi ở và sinh hoạt: các hộ dân tái định cư đã cơ bản ổn định nơi ở, sản xuất, canh tác (trong đó dự án xây dựng 335/878 nhà ở, 543 hộ còn lại tự xây dựng nhà ở).

- Công tác giao đất đã thực hiện như sau:

+ Đất ở: 878 hộ với tổng diện tích là 55,16 ha;

+ Đất sản xuất nông nghiệp (hàng năm, lâu năm): 878 hộ, với tổng diện tích là 950,58 ha;

+ Đất trồng lúa nước: 760 hộ, với tổng diện tích là 61,03 ha;

+ Đất rừng: 877 hộ, với tổng diện tích là 3.537,71 ha;

- Khó khăn, vướng mắc: Hiện nay đang có một số khó khăn, vướng mắc lớn trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

+ Giao đất lúa nước: Còn lại 119 hộ chưa thống nhất với phương án giao đất gồm: 103 hộ diêm tái định cư Huôi Siu - Huôi Lạn (trong đó có 56 hộ đã đăng ký nhưng đến nay chỉ có 11 hộ nhận ruộng để sản xuất); 16 hộ tại một số diêm tái định cư còn lại.

+ Giao đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Loại đất này đã được Công ty phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan giao đất cho nhân dân ngoài thực địa nhưng chưa hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên nhân là do trong quá trình triển khai, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 về bảo vệ và phát triển rừng nên phải giữ lại 251,89 ha đất có diện tích có rừng tự nhiên. Với thực trạng quỹ đất tại địa phương, việc tìm kiếm diện tích đất màu để thay thế 251,89ha phải giữ lại là rất khó khăn. Hiện nay, đang chờ UBND tỉnh Nghệ An hướng dẫn phương án giải quyết.

+ Bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp: Trong quá trình thực hiện tính toán đối trừ giá trị quyền sử dụng đất giữa nơi đi và nơi đến, UBND huyện Quế Phong đã tính toán đối trừ chi tiết cho từng loại đất. Sau khi xem xét các văn bản pháp luật, Công ty đã có văn bản đề nghị tính toán đối trừ với tổng giá trị các loại đất nông nghiệp. Thời gian qua, Tổng cục Quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản hướng dẫn tính toán đối trừ tổng giá trị đất nông nghiệp (văn bản số 708/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 07/4/2020) nhưng UBND huyện Quế Phong vẫn chưa thống nhất để thực hiện. Để giải quyết vướng mắc, UBND tỉnh Nghệ An đã có văn bản số 4112/UBND.NN ngày 29/6/2020 gửi Thủ tướng Chính phủ đề xin ý kiến hướng dẫn thực hiện. Ngày 11/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 25/TTg-NN giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn thực hiện. Ngày 04/3/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản số 988/BTNMT-TCQLĐĐ gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì hướng dẫn. Vì vậy, công

tác đổi trừ chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp đang chờ ý kiến hướng dẫn của Bộ ngành/Chính phủ.

+ Hỗ trợ lương thực: Các hộ tái định cư đã được hỗ trợ lương thực với thời gian 48 tháng kể từ khi di chuyển đến điểm tái định cư. Quá trình thực hiện, do nhiều nguyên nhân khác nhau, một số điểm tái định cư nhân dân chưa nhận đủ đất để sản xuất, vì vậy chính quyền địa phương đang yêu cầu Công ty hỗ trợ đến khi giao đủ đất sản xuất cho nhân dân. Tuy nhiên, khoản kinh phí này phát sinh so với Tổng mức đầu tư được duyệt, vì vậy Công ty đang tạm dừng và chỉ thực hiện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tìm kiếm, nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án điện mới

Thực hiện Nghị quyết số 65/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2019 của Đại hội đồng Cổ đông về khảo sát, nghiên cứu cơ hội đầu tư dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời Hòa Na và dự án thủy điện Hòa Na A, Công ty báo cáo kết quả như sau:

- Dự án thủy điện Hòa Na A: Trên cơ sở chủ trương của Đại hội đồng Cổ đông, quyết định phê duyệt của Hội đồng quản trị, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn (Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển điện) khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu cơ hội đầu tư dự án. Kết quả khảo sát, đánh giá dự án có hiệu quả. Tuy nhiên, do giai đoạn hiện nay, Công ty đang gặp khó khăn về tài chính vì vậy Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-HHC-HĐQT ngày 21/10/2020 về việc tạm dừng triển khai dự án thủy điện Hòa Na A, dự án chỉ tiếp tục thực hiện vào thời điểm và hình thức đầu tư phù hợp với tình hình tài chính của Công ty (sau khi có ý kiến của Cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tại văn bản số 1837/ĐLDK-ĐTXD ngày 11/9/2020). Công ty đã thực hiện nghiệm thu thanh toán/thanh lý những phần việc đã thực hiện theo quy định.

- Dự án điện năng lượng mặt trời: Với hiện trạng lòng hồ không thuận lợi (chênh lệch mực nước lớn tới 25m, địa hình dốc). Do đó Công ty đang xem xét tìm kiếm đối tác để nghiên cứu, khảo sát, đánh giá cụ thể về tính khả thi của dự án.

4. Công tác bảo hiểm nhà máy trong giai đoạn vận hành

Công tác bảo hiểm công trình trong giai đoạn vận hành được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời để đảm bảo quyền lợi các Cổ đông, Ngân hàng và chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, phạm vi đã mua bảo hiểm bao gồm: Bảo hiểm cháy nổ và rủi ro đặc biệt; bảo hiểm xây dựng công trình dân dụng hoàn thành và bảo hiểm gián đoạn kinh doanh. Hợp đồng bảo hiểm thời hiệu 2020-:2021 sẽ hết hiệu lực ngày 09/9/2021, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục triển khai chương trình mua bảo hiểm theo kế hoạch được phê duyệt.

5. Công tác lao động, tiền lương

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 là 115 người với cơ cấu lao động: 97 lao động nam và 18 lao động nữ.

Về Hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 07 người

chiếm 6,1%; HĐLĐ không xác định thời hạn: 44 người chiếm 37,7%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 64 người chiếm 56,1%; Có 52 đảng viên chiếm 45,6% tổng số. Thu nhập bình quân người lao động 17,7 triệu đồng/người/tháng.

6. Công tác đào tạo

Trong năm 2020, Công ty đã ký hợp đồng Huấn luyện An toàn lao động, vệ sinh lao động năm 2020; đào tạo ngắn hạn về chuyên môn như: Tiện phay bào; Bảo dưỡng sửa chữa máy biến áp; hợp đồng Bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na; đào tạo văn bằng 2 về chuyên ngành điện cho một số CBCNV.

7. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, ổn định việc làm và chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên

- Hỗ trợ Trường tiểu học Thông Thụ 2, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (địa bàn tái định cư của dự án) xây dựng nhà học 2 tầng, 6 phòng với tổng giá trị 3,304 tỷ đồng. Tiến độ giải ngân sẽ được thực hiện theo tiến độ thanh toán của các hợp đồng mà địa phương ký kết với các nhà thầu.

- Hỗ trợ dân sinh, ưu tiên chia sẻ khó khăn, hỗ trợ phát triển, xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Các CBCNV trong Công ty tích cực hưởng ứng, tham gia công tác an sinh xã hội, đóng góp vào các quỹ từ thiện theo khả năng và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Quản lý lao động tiền lương và chế độ chính sách phù hợp với các quy định của Nhà nước/Tập đoàn và Tổng Công ty, đảm bảo ổn định tiền lương, thu nhập trong Công ty, gắn tiền lương thưởng với hiệu quả hoạt động SXKD.

- Hoàn thiện xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng, khuôn viên trong khu vực nhà máy, đảm bảo điều kiện thuận lợi về nơi ở và làm việc khang trang, sạch đẹp cho CBCNV.

- Tạo điều kiện và khuyến khích CBCNV tăng gia sản xuất tại đơn vị để phục vụ cho đời sống CBCNV.

- Hỗ trợ CBCNV có đời sống gặp nhiều khó khăn; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của CBCNV trong Công ty.

- Hỗ trợ thăm hỏi cán bộ CNVLD không may bị ốm đau, tai nạn; công tác khuyến học khuyến tài, v.v...

8. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM

- Công tác an toàn vệ sinh lao động: Thường xuyên tổ chức tuyên truyền công tác ATVSLĐ-PCCN-BVMT cho các CBCNV trong Công ty; Thực hiện việc cấp phát các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc; khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, bố trí phòng và cán bộ trực y tế tại Nhà máy, trang bị tủ thuốc cấp cứu, phương tiện cấp cứu tại chỗ như băng ca, nẹp và đã thực hiện diễn tập các tình huống cấp cứu thông dụng.

- Công tác PCCC: Ban chỉ huy PCCC và Đội xung kích bảo vệ, tự vệ, phòng

cháy, chữa cháy, ứng cứu tình huống khẩn cấp, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được Công ty thành lập thường xuyên tập luyện, tuần tra xung quanh khu vực công ty quản lý; các phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, các bình bột và bình CO2 chữa cháy đặt tại các tầng, sàn của nhà máy luôn được kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo ở chế độ hoạt động, sẵn sàng đáp ứng khi có tình huống khẩn cấp.

- Công tác quản lý môi trường: Thực hiện đầy đủ các báo cáo về môi trường định kỳ gửi các cấp quản lý theo yêu cầu.

- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Công ty quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty.

9. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Ngày 18/8/2020 PVPowerHHC sau khi nhận được Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN của đoàn Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

9.1. Các nội dung đã hoàn thành:

- Điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2019 theo kết quả kiểm toán BCTC;

- Nộp vào Ngân sách Nhà nước số thuế qua kiểm toán điều chỉnh tăng về thuế TNDN là: 161.815.068 đồng vào ngày 10/8/2020;

- Công ty đã thực hiện việc kiểm tra, rà soát, chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại đối với các công tác: Mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo đúng quy định, quy chế và các văn bản quy phạm pháp luật; công tác xây dựng kế hoạch sửa chữa đối với giá trị vật tư, danh mục đảm bảo sát với thực tế; đối chiếu, xác nhận công nợ đầy đủ; công tác quản lý, sử dụng vật tư, thiết bị, phụ tùng; xây dựng và ban hành quy chế về hạn mức hàng tồn kho tránh để xảy ra vật tư, thiết bị, phụ tùng tồn kho lâu năm nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng vốn; công tác phân bổ, trích trước các khoản chi phí theo đúng quy định.

- Công ty đã tổ chức họp kiểm điểm làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan đối với chi phí khảo sát lập quy hoạch, thiết kế BVTC khu quản lý vận hành; khu cư xá CBCNV.

- Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại Quyết định số 34/QĐ-HHC-HĐQT ngày 15/7/2020.

- Công ty đã tiến hành xây dựng phương án cân đối dòng tiền bảo đảm khả năng trả nợ và sản xuất kinh doanh cho năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Công ty đã tổ chức họp kiểm điểm xác định rõ nguyên nhân các tồn tại, hạn chế để thực hiện kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

9.2. Các nội dung Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện như sau:

- Quyết toán giá trị bổ sung giai đoạn 2 dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na làm cơ sở để thực hiện đàm phán với EVN về giá phát điện theo Điều 22, Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của BCT. Hiện công tác quyết toán bổ sung của dự án chưa thực hiện được vì đang vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cụ thể do công tác đối trừ chênh lệch đất nông nghiệp giữa nơi đi và nơi đến đang tạm dừng để chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ/Bộ ngành liên quan. Sau khi hoàn thành các công tác này, Công ty sẽ khẩn trương tiến hành quyết toán bổ sung để làm cơ sở để thực hiện đàm phán với EVN về giá phát điện theo Điều 22, Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của BCT.

- Về vướng mắc 251,89 ha đất sản xuất nông nghiệp đã giao cho các hộ dân ngoài thực địa nhưng có rừng tự nhiên phải giữ lại theo yêu cầu của Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Công ty đã có văn bản số 563/HHC-KTKH ngày 04/10/2018 gửi UBND tỉnh Nghệ An để hướng dẫn xử lý. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục làm việc với UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan chức năng có liên quan để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Công ty sẽ có phương án xử lý sau khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Phần II:

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SXKD NĂM 2021

A. Các nhiệm vụ chính

I. Công tác sản xuất kinh doanh

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức/danh mục vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền (vay vốn lưu động, trái phiếu, giãn nợ ...) đảm bảo cân đối dòng tiền năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Lập kế hoạch mua sắm vật tư, CCDC, trang thiết bị văn phòng phục vụ sản xuất,...trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm và tình trạng thiết bị, vật tư dự phòng trong kho.

- Tổ chức thực hiện công tác sửa chữa lớn (đại tu) Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và an toàn phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua, cụ thể như sau:

+ Tổ máy H1: Từ ngày 24/3/2021 đến 28/4/2021 (36 ngày);

+ Tổ máy H2: Từ ngày 03/5/2021 đến 06/6/2021 (35 ngày);

+ Tháo nước đường hầm: Từ ngày 03/5/2021 đến 18/5/2021 (16 ngày).

- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo thu nhập và chế độ, chính sách cho người lao động. Phần đầu mức lương/thu nhập cao hơn năm 2020.

- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Và các nội dung khác theo yêu cầu thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

II. Công tác đầu tư xây dựng

- Phối hợp với UBND huyện Quế Phong để giải quyết các khó khăn, vướng mắc, hoàn thành các nội dung còn lại trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư như: Bồi thường đối trừ chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp; giao đất sản xuất nông nghiệp

- Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên.

III. Công tác phát triển các dự án điện mới

- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm đối tác và thu xếp nguồn vốn để đầu tư xây dựng các dự án Thủy điện nhỏ khi có sự chấp thuận chủ trương của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Tìm kiếm đối tác và triển khai nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án điện mặt trời áp mái và dự án điện mặt trời trên cạn trong khu vực công trình đầu mối và nhà máy để khai thác và tận dụng tối đa diện tích mặt bằng, hạ tầng đã có.

B. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021

Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

➤ Sản lượng điện thương mại	: 625,20	Tr.kWh
➤ Các chỉ tiêu tài chính		
- Vốn điều lệ	: 2.352,32	Tỷ đồng
- Tổng doanh thu	: 685,49	Tỷ đồng
+ <i>Doanh thu sản xuất điện (chưa bao gồm thuế, phí)</i>	: 592,9	Tỷ đồng
+ <i>Doanh thu tài chính</i>	: 2,40	Tỷ đồng
+ <i>Thuế tài nguyên nước; phí DVMTR; phí cấp quyền khai thác nước mặt</i>	: 90,16	Tỷ đồng

- Tổng chi phí	: 616,74	Tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	: 68,75	Tỷ đồng
- Thuế TNDN (5%)	: 3,438	Tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 65,313	Tỷ đồng
➤ Đào tạo (164 lượt người)	: 1,09	Tỷ đồng
➤ Giá thành (bao gồm thuế phí)	: 986,47	đồng/kWh
➤ Nộp ngân sách nhà nước	: 161,92	Tỷ đồng
➤ Lao động	: 117	Người
Tổng quỹ tiền lương (<i>Quỹ tiền lương tạm</i>)		
➤ <i>tính và sẽ được chính xác sau khi được cấp thẩm quyền chấp thuận).</i>	: 36,479	Tỷ đồng
➤ Năng suất lao động bình quân	: 920,05	Tr.đ.ng/năm

C. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021

1. Giải pháp trong sản xuất kinh doanh điện

Đề khai thác tối ưu hiệu quả của nguồn nước, vận hành nhà máy liên tục và an toàn, hoạt động hiệu quả trên thị trường điện cạnh tranh, Công ty luôn quan tâm thực hiện các giải pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời hệ thống thiết bị để đảm bảo các tổ máy luôn khả dụng, hoạt động tin cậy và an toàn.

- Thường xuyên tổng hợp tin tức, dự báo khí tượng thủy văn của các cơ quan chuyên ngành để dự báo lưu lượng nước về hồ, phục vụ lập kế hoạch chào giá, phát điện cho phù hợp, khai thác tối đa hiệu quả của nguồn nước và công suất các tổ máy.

- Thống kê, tổng hợp, phân tích diễn biến giá thị trường để lập kế hoạch chào giá nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận.

- Đàm phán, thương thảo với EVN/EPTC để thỏa thuận sản lượng điện hợp đồng (Qc) năm, tháng phù hợp với tình hình thị trường và điều kiện thực tế của nhà máy.

- Chủ động, linh hoạt trong quá trình vận hành nhà máy trên thị trường điện cạnh tranh.

- Phối hợp tốt với EVN/EPTC/A0 để vận hành phát điện, lập hồ sơ thanh toán và thu hồi kịp thời tiền bán điện hàng tháng đảm bảo cân đối được dòng tiền đáp ứng kế hoạch trả nợ và sản xuất kinh doanh.

2. Giải pháp cân đối dòng tiền

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền (vay vốn lưu động, trái phiếu, giãn nợ ...) đảm bảo cân đối dòng tiền năm 2021 và các năm tiếp theo.

3. Giải pháp trong công tác đầu tư

Tập trung cao độ, phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp. Phấn đấu hoàn thành trong năm 2021 để sớm ổn định cuộc sống cho nhân dân tái định cư và quyết toán toàn bộ dự án.

Phần III:

KIẾN NGHỊ

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, sớm hoàn thành các nội dung còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tập trung tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất, Ban giám đốc Công ty kính đề nghị Quý Cổ đông, đặc biệt là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP với vai trò là Cổ đông lớn hỗ trợ Công ty một số nội dung như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, hỗ trợ Công ty trong quá trình vận hành sản xuất, đặc biệt là về kỹ thuật vận hành, sửa chữa và an toàn, phòng chống cháy nổ trong sản xuất điện.

- Tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ Công ty làm việc với các Bộ ngành, UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Quế Phong để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tiếp tục hỗ trợ Công ty trong quá trình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để cân đối dòng tiền cho năm 2021 và 2022.

- Hiện nay, tình hình tài chính của Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng nặng nề của diễn biến thời tiết bất lợi dẫn đến doanh thu bán điện bị sụt giảm, vì vậy Công ty kính đề nghị trong thời gian tới tạm thời chưa chia cổ tức cho các Cổ đông, tập trung nguồn tiền để ưu tiên trả nợ các Ngân hàng.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua. *ch*

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Các Phó giám đốc (để t/h);
- Các Phòng ban/Phân xưởng (để t/h);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Tịnh Bảo Ngọc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN HÒA NA**

Số: 03/2021/HHC-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na và Kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na (BKS) kính báo cáo quý vị Cổ đông về kết quả công tác năm 2020 của Ban Kiểm soát như sau:

I. Các căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na được sửa đổi lần 10 ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 10/6/2020;
- Quy chế làm việc của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na số 04/BKS-HHC ngày 29/6/2018;
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020 của Công ty.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020.

1. Nhân sự và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na năm 2020 gồm các thành viên:

- | | |
|---------------------------|------------------------------|
| - Bà Trần Thị Thu Hà | - Trưởng ban |
| - Ông Văn Tuấn Thạch | - Thành viên |
| - Bà Phạm Thị Minh Tâm | - Thành viên (đến 10/6/2020) |
| - Bà Hoàng Thị Thu Nguyệt | - Thành viên (từ 10/6/2020) |

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) Công ty năm 2020, trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên của Công ty về hoạt động của BKS; kết quả giám sát về tình hình hoạt động, việc thẩm định BCTC và Kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả giám sát HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc quản trị và điều hành công ty.

- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty, và có ý kiến về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

- Thẩm định Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

2. Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát:

2.1 Bà Trần Thị Thu Hà - Trưởng ban:

- Phụ trách tổng hợp chung các công việc của Ban kiểm soát và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HDQT; việc ban hành và thực hiện các hợp đồng; tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động; tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; công tác kiểm toán độc lập;

- Lập kế hoạch, triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

- Kiểm soát số liệu về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh định kỳ hàng tháng, quý của Công ty, thay mặt Ban kiểm soát ký báo cáo, báo cáo trước HDQT và Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.2 Ông Văn Tuấn Thạch – Thành viên:

- Phụ trách các vấn đề liên quan đến chi phí hoạt động của Công ty, công tác xây lắp, sửa chữa, áp dụng các định mức tiêu hao, định mức chi phí, Quản lý công nợ phải thu, phải trả; quyết toán vốn dự án;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

2.3 Bà Hoàng Thị Thu Nguyệt – Thành viên:

- Phụ trách các vấn đề liên quan đến đánh giá hiệu quả sử dụng vốn doanh nghiệp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

3. Tự đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên:

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty, với kết quả hoạt động đạt được, BKS tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HDQT, Ban Giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, xin ý kiến các thành viên BKS nhằm thảo luận thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, theo sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Thù lao của BKS được chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã được thông qua.

+ Trưởng BKS chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty,

+ Thành viên BKS kiêm nhiệm: 4.000.000 đồng/người/tháng.

- Về chi phí hoạt động của BKS: tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã được thông qua và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

III. Đánh giá về hoạt động Công ty trong năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020, Công ty đã vận hành nhà máy điện an toàn, sản lượng điện thực hiện được 566,83 triệu kWh, chỉ đạt 87,2% so với kế hoạch, và tăng 1,24% so với năm 2019.

Tỷ lệ doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2020 so với 2019 và so với kế hoạch hiệu chỉnh năm 2020 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch Năm 2020	KH 2020 hiệu chỉnh	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %		
						(5=4/1)	(6=4/2)	(7=4/3)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5=4/1)	(6=4/2)	(7=4/3)
I	Sản lượng điện	559,90	650,3	550,64	566,83	101,2%	87,2%	102,9%
II	Tổng doanh thu	668,95	705,94	582,54	606,06	90,6%	85,9%	104,0%
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	661,95	703,54	580,58	604,20	91,3%	85,9%	104,1%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	6,69	2,40	1,96	1,47	22,0%	61,3%	75,0%
3	Thu nhập khác	0,31	-	-	0,39			
III	Tổng chi phí	591,60	633,766	571,20	570,59	96,4%	90,0%	99,9%
1	Chi phí sản xuất điện	416,15	490,646	437,14	435,21	104,6%	88,7%	99,6%
2	Chi phí tài chính	174,48	143,12	133,77	135,08	77,4%	94,4%	101,0%
3	Chi phí khác	0,97	-	0,29	0,30	30,9%		103,4%
IV	Lợi nhuận trước thuế TNDN	77,35	72,18	11,34	35,47	45,9%	49,1%	312,8%
	Thuế TNDN	4,40	3,61	0,57	1,94	44,1%	53,7%	340,4%
V	Lợi nhuận sau thuế	72,95	68,57	10,77	33,53	46,0%	48,9%	311,3%
VI	Thuế và các khoản phải nộp NN	141,36	166,63	130,79	135,27	95,7%	81,2%	103,4%

Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục duy trì và tăng cường việc quản trị chi phí và có chiến lược điều tiết hồ chứa, khai thác tối ưu hiệu quả của nguồn nước để đảm bảo thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

2. Về Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty:

- Cơ cấu vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2020:

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kì	Số đầu năm	Tỷ lệ (5=3/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	287.700.102.413	190.792.507.996	150,8%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	73.971.681.803	120.711.063.153	38,7%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	189.039.017.682	46.080.395.231	410,2%
IV. Hàng tồn kho	140	24.271.040.256	23.347.053.038	104,0%
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	418.362.672	653.996.574	36,0%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.823.813.005.427	4.102.115.627.168	6,8%
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	
II. Tài sản cố định	220	3.787.480.070.147	4.064.729.244.982	6,8%
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	24.842.057.116	20.442.254.830	121,5%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	11.490.878.164	16.944.127.356	32,2%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	4.111.513.107.840	4.292.908.135.164	4,2%
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.456.593.185.294	1.760.501.615.731	17,3%
I. Nợ ngắn hạn	310	634.258.175.859	593.649.460.888	106,8%
II. Nợ dài hạn	330	822.335.009.435	1.166.852.154.843	29,5%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2.654.919.922.546	2.532.406.519.433	104,8%
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.654.919.922.546	2.532.406.519.433	104,8%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	4.111.513.107.840	4.292.908.135.164	4,2%

- Một số chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2019
1	Hệ số bảo toàn vốn năm 2020	Lần	1,05	1,03
2	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,3%	2,9%
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,28
4	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,45	0,32

Báo cáo tài chính số: 07/2021/BCSXKT –AVI-TC1 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt lập vào ngày 03/02/2021, theo báo cáo, nội dung đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

3. Về công tác quyết toán vốn dự án:

- Quyết toán giai đoạn 1: Quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được các cổ đông chấp thuận phê duyệt.

- Quyết toán phần còn lại: Công ty đã hoàn thành quyết toán vốn bổ sung đến 28/2/2019 đạt 190,08 tỷ đồng, giá trị còn lại khoảng 65,7 tỷ đồng thuộc các hạng mục bồi thường tái định cư có liên quan đến các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chủ trương chính sách của Nhà nước và địa phương nên chưa hoàn thành.

Trong thời gian tới, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tiếp tục tập trung phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định và báo cáo sau khi hoàn thành đối với phần còn lại này.

4. Công tác huy động vốn, sử dụng vốn và cân đối dòng tiền:

Tình hình thực hiện các hợp đồng tín dụng đến 31/12/2020:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hợp đồng	Lũy kế số đã giải ngân	Lũy kế số đã trả gốc đến 31/12/2020	Dư nợ đến 31/12/2020	Dự kiến Số gốc và lãi vay phải trả trong năm 2021
1	HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	200.000	120.000	80.000	27.144
2	HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000	75.015	224.985	58.550
3	HĐ tín dụng số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ)	328.784	116.238	212.546	86.357

4	HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	359.535	233.688	125.847	48.371
5	HĐ tín dụng số 382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000	1.617.021	622.979	318.586
6	HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011	411.000	411.000	-	-
7	HĐ số 0001/2020/HĐTD- OCB-DN ngày 14/01/2020	126.209	76.209	50.000	50.000
	Tổng cộng	3.889.318	2.649.171	1.316.357	589.008

Dư nợ tại 31/12/2020 là 1.316.356,48 triệu đồng, các khoản vay dài hạn của Công ty hiện đang áp dụng mức lãi suất giao động từ khoảng 6.9% - 10.5%/năm (Lãi suất 6,9% là lãi suất ưu đãi vay của VDB Nghệ An). Tuy vậy, phần lớn tỷ trọng dư nợ của công ty được huy động với lãi suất tương đối tốt ~8,5%.

Theo kế hoạch trả nợ của các hợp đồng tín dụng, áp lực trả nợ gốc và lãi vay đối với Công ty trong hai năm tới là rất lớn (năm 2021 là 589.008 triệu đồng). Với áp lực thanh toán nợ và lãi vay lớn, cộng thêm kết quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào yếu tố thủy văn, khả năng Công ty bị thiếu hụt nguồn tiền trong năm 2021 và 2022 là hiện hữu.

Đến 31/12/2020, số dư tiền gửi của Công ty còn 73,97 tỷ đồng. Việc sử dụng nguồn tiền mặt nhàn rỗi giữa các kỳ thanh toán gốc lãi vay, công ty đã thực hiện điều phối khá hiệu quả, với việc duy trì mức tiền gửi không kỳ hạn phù hợp cho các hoạt động chi thường xuyên, phần còn lại gửi hợp đồng có kỳ hạn. Do nguồn tiền trong năm 2020 gặp khó khăn, nguồn thu từ hoạt động tài chính năm 2020 chỉ đạt 22% so với năm 2019.

5. Tình hình vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy:

- Công tác vận hành: Trong năm 2020 nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, phù hợp với chiến lược kinh doanh của Nhà máy trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh.

- Công tác Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Năm 2020 Công ty đã thực hiện tiêu tu theo kế hoạch từ ngày 08/2 đến 25/3/2020 với giá trị quyết toán, thanh lý (sau VAT) là 5,93 tỷ đồng. Sau kỳ bảo dưỡng các tổ máy đạt yêu cầu kỹ thuật, đưa vào vận hành an toàn, ổn định, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong kỳ của các cơ quan chức năng Nhà nước:

Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của đoàn Kiểm toán Nhà nước và thực hiện việc nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 161.815.068 đồng. Hiện còn một số vướng mắc trong công tác Bồi thường hỗ trợ tái định cư, Công ty đang chờ các cấp có thẩm

quyền hướng dẫn phương án giải quyết dẫn đến Công tác quyết toán giá trị bổ sung giai đoạn 2 dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na chưa hoàn thành.

7. Giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan:

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na hiện không có Công ty con, và Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ đối với bất kỳ Công ty nào; Năm 2020 không có giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

8. Hoạt động quản trị và điều hành:

Trong năm 2020, về cơ bản Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ Quy chế quản trị Công ty và các quy chế hoạt động đã ban hành.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành 04 Nghị quyết và 58 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định, chỉ thị của Ban giám đốc công ty đã kịp thời và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

9. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty:

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

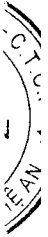
IV. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát:

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao. Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khẩn trương xem xét chỉ đạo, tập trung xử lý các nội dung:

1. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: phối hợp với các bên liên quan để hoàn thành công tác đền bù tái định canh, định cư trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành và tổng chi phí thực hiện không vượt quá TMĐT hiệu chỉnh lần 3 đã được duyệt.

2. Khẩn trương hoàn thành quyết toán vốn đầu tư phân còn lại của dự án trong năm 2021 theo kiến nghị tại Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của đoàn Kiểm toán Nhà nước.

3. Tiếp tục rà soát, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết, tiết kiệm chi tiêu; chủ động thực hiện các điều tiết hồ chứa, chào giá linh hoạt trên thị trường; xúc tiến làm việc với các tổ chức tín dụng về việc điều chỉnh lãi suất cho vay ... để giảm chi phí, đảm bảo cân đối dòng tiền ổn định sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.



4. Đảm bảo thanh khoản của Công ty: tính toán cân đối dòng tiền trong năm 2021-2023 để sớm có phương án huy động vốn hoặc/và giãn nợ phù hợp kịp thời nhằm tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty trong các năm tiếp theo.

5. Hoàn thiện các thủ tục liên quan để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho nhà máy trong năm 2021.

V. Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát:

1. Tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; quy chế tổ chức và hoạt động của BKS về việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; điều lệ công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định của công ty.

2. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, hoạt động quyết toán dự án để kịp thời phát hiện các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động.

3. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm soát công tác quản lý, vận hành sản xuất kinh doanh điện của Công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được thông qua.

4. Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và trực tiếp xem xét, thẩm định và có ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể theo yêu cầu của các cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

5. Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế/ quy định hiện hành.

Trên cơ sở kết quả công tác trong năm 2020, Ban Kiểm soát trình Đại hội Cổ đông báo cáo của mình và xin tiếp thu các ý kiến tham gia của Quý vị Cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị Cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban Điều hành Công ty giúp Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng ./.

Nơi gửi :

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Thu Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Nghệ An, tháng 02 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hải Long	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Bùi Huy Thành	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trình Bảo Ngọc đại diện Ban Giám đốc,



Trình Bảo Ngọc
Giám đốc

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Số: 07 /2021/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 02 năm 2021, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn số tiền khoảng 346,56 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 khoảng 402,85 tỷ đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đã được trình bày lại theo thông báo số 221/TB-KTNN ngày 18/08/2020 của Kiểm toán Nhà nước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Báo cáo kiểm toán ngày 12/03/2020 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Ngô Việt Thanh
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

Bùi Quốc Trung
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1937-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		287.700.102.413	190.792.507.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	73.971.681.803	120.711.063.153
1. Tiền	111		28.971.681.803	25.711.063.153
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	95.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.039.017.682	46.080.395.231
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	175.778.987.902	30.823.357.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.735.010.129	2.974.786.230
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.525.019.651	12.282.251.541
III. Hàng tồn kho	140		24.271.040.256	23.347.053.038
1. Hàng tồn kho	141	10	24.271.040.256	23.347.053.038
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		418.362.672	653.996.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	201.900.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		216.462.672	653.996.574
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.823.813.005.427	4.102.115.627.168
I. Tài sản cố định	220	14	3.787.480.070.147	4.064.729.244.982
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.787.480.070.147	4.064.729.244.982
- Nguyên giá	222		5.859.101.871.407	5.861.382.801.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.071.621.801.260)	(1.796.653.556.252)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	24.842.057.116	20.442.254.830
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.842.057.116	20.442.254.830
III. Tài sản dài hạn khác	260		11.490.878.164	16.944.127.356
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.905.154.264	9.261.396.505
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		7.585.723.900	7.682.730.851
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.111.513.107.840	4.292.908.135.164

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.456.593.185.294	1.760.501.615.731
I. Nợ ngắn hạn	310		634.258.175.859	593.649.460.888
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	79.563.897.579	83.269.464.896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.816.915	170.213.022
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.009.919.663	3.518.025.178
4. Phải trả người lao động	314		8.411.191.791	10.119.685.281
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	18.931.109.701	21.324.059.942
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	23.457.920.621	16.884.007.611
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	494.398.678.560	454.035.375.825
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	120.496.773
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.483.641.029	4.208.132.360
II. Nợ dài hạn	330		822.335.009.435	1.166.852.154.843
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	377.208.152	495.675.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	821.957.801.283	1.166.356.479.843
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.654.919.922.546	2.532.406.519.433
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2.654.919.922.546	2.532.406.519.433
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.352.322.103.444	2.256.592.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.362.677.907	5.792.700.882
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		225.249.359.900	205.035.933.812
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		191.719.824.112	132.089.275.785
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		33.529.535.788	72.946.658.027
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.111.513.107.840	4.292.908.135.164

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Võ Trung Chính

Giám đốc



Đinh Bảo Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	604.196.230.759	661.951.613.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		604.196.230.759	661.951.613.312
4. Giá vốn hàng bán	11	20	412.295.456.435	389.345.039.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.900.774.324	272.606.573.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.471.559.924	6.685.917.918
7. Chi phí tài chính	22	21	135.084.946.761	174.483.866.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		133.915.535.852	173.314.455.464
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	22.910.461.735	26.801.597.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.376.925.752	78.007.027.639
11. Thu nhập khác	31		387.980.698	312.693.639
12. Chi phí khác	32		298.869.861	968.881.740
13. Lợi nhuận khác	40		89.110.837	(656.188.101)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.466.036.589	77.350.839.538
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	1.936.500.801	4.404.181.511
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.529.535.788	72.946.658.027
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	144	295

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Võ Trung Chính



Trịnh Bảo Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.466.036.589	77.350.839.538
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	282.752.335.096	271.020.534.489
- Các khoản dự phòng	03	(120.496.773)	120.496.773
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.471.559.924)	(1.297.741.957)
- Chi phí lãi vay	06	133.915.535.852	173.314.455.464
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	450.541.850.840	520.508.584.307
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(142.584.288.736)	101.543.440.864
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(826.980.267)	(3.838.064.343)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	4.583.080.350	(15.598.208.094)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	5.154.342.241	(8.853.802.716)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(136.854.630.337)	(180.511.082.087)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.196.884.569)	(4.252.757.825)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	23.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.958.534.371)	(3.911.781.961)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	173.880.955.151	405.086.328.145
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(13.700.205.531)	(19.218.443.202)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	176.135.454
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	42.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.385.244.855	2.507.030.137
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.314.960.676)	25.464.722.389
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	95.730.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	126.208.864.834	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(430.244.240.659)	(459.379.893.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(208.305.375.825)	(459.379.893.124)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(46.739.381.350)	(28.828.842.590)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	120.711.063.153	149.539.905.743
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	73.971.681.803	120.711.063.153

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Trần Bảo Ngọc

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hũa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch tại sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hũa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tại ngày 31/12/2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn số tiền khoảng 346,56 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 khoảng 402,85 tỷ đồng). Để đảm bảo khả năng thanh toán, Ban Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh hợp lý, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm và huy động từ các nguồn vốn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khác phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hủa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	104.087.508	92.629.076
Tiền gửi ngân hàng	28.867.594.295	25.618.434.077
Các khoản tương đương tiền (i)	45.000.000.000	95.000.000.000
Cộng	<u>73.971.681.803</u>	<u>120.711.063.153</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất từ 3,75%/năm đến 4%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	175.774.484.483	30.758.296.160
Các khách hàng khác	4.503.419	65.061.300
Cộng	<u>175.778.987.902</u>	<u>30.823.357.460</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công trình Thăng Long	323.301.900	682.143.900
Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế và Xây dựng Quang Trang	-	623.614.609
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Kiểm định xây dựng Miền Trung	545.081.407	545.081.407
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Giao thông 4	355.959.662	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tây An	500.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.010.667.160	1.123.946.314
Cộng	<u>2.735.010.129</u>	<u>2.974.786.230</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.918.390.287	-	12.023.499.500	-
Lãi dự thu	142.808.219	-	56.493.150	-
Tạm ứng	387.345.182	-	125.042.762	-
Phải thu ngắn hạn khác	76.475.963	-	77.216.129	-
Cộng	<u>10.525.019.651</u>	<u>-</u>	<u>12.282.251.541</u>	<u>-</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	201.900.000	-
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	201.900.000	-
Dài hạn	3.905.154.264	9.261.396.505
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.905.154.264	9.261.396.505

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.265.400.096	-	23.347.053.038	-
Công cụ, dụng cụ	5.640.160	-	-	-
Cộng	<u>24.271.040.256</u>	<u>-</u>	<u>23.347.053.038</u>	<u>-</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hũa Na	21.190.593.539	18.458.485.355
Chi phí xây dựng khác	3.651.463.577	1.983.769.475
Cộng	<u>24.842.057.116</u>	<u>20.442.254.830</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Lãi vay dự trả	10.726.745.298	13.665.839.783
Chi phí bảo hiểm phải trả	689.493.760	778.941.420
Chi phí phải trả nhà thầu	2.296.441.220	2.257.086.998
Chi phí phải trả khác	5.218.429.423	4.622.191.741
Cộng	<u>18.931.109.701</u>	<u>21.324.059.942</u>

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	23.457.920.621	16.884.007.611
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (i)	22.632.187.437	15.341.783.194
Kinh phí công đoàn	125.117.817	43.915.466
Các khoản phải trả, phải nộp khác	700.615.367	1.498.308.951
Dài hạn	377.208.152	495.675.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	377.208.152	495.675.000

- (i) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	4.503.345.776.247	1.344.127.123.215	8.303.203.507	5.606.698.265	5.861.382.801.234
Tăng trong năm	4.603.184.494	-	1.171.032.727	-	5.774.217.221
Giảm khác	(8.055.147.048)	-	-	-	(8.055.147.048)
Tại ngày 31/12/2020	4.499.893.813.693	1.344.127.123.215	9.474.236.234	5.606.698.265	5.859.101.871.407
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	1.255.239.345.634	531.798.402.053	5.150.958.443	4.464.850.122	1.796.653.556.252
Khấu hao trong năm	182.138.660.230	100.168.774.103	393.281.705	322.676.018	283.023.392.056
Giảm khác	(8.055.147.048)	-	-	-	(8.055.147.048)
Tại ngày 31/12/2020	1.429.322.858.816	631.967.176.156	5.544.240.148	4.787.526.140	2.071.621.801.260
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	3.248.106.430.613	812.328.721.162	3.152.245.064	1.141.848.143	4.064.729.244.982
Tại ngày 31/12/2020	3.070.570.954.877	712.159.947.059	3.929.996.086	819.172.125	3.787.480.070.147
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	469.617.063	379.650.000	4.864.612.598	4.062.183.164	9.776.062.825

Như đã trình bày ở thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	4.932.780.271	4.932.780.271	4.932.780.271	4.932.780.271
Ban điều hành dự án thủy điện Hòa Na	46.367.015.302	46.367.015.302	46.480.885.494	46.480.885.494
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	20.026.382.739	20.026.382.739	20.026.382.739	20.026.382.739
Các nhà cung cấp khác	8.237.719.267	8.237.719.267	11.829.416.392	11.829.416.392
Cộng	79.563.897.579	79.563.897.579	83.269.464.896	83.269.464.896

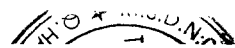
16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	51.924.601.513	51.924.601.513	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.196.884.569	1.936.500.801	3.196.884.569	1.936.500.801
Thuế thu nhập cá nhân	321.140.609	539.230.236	786.951.983	73.418.862
Thuế tài nguyên nước	-	48.540.720.011	48.540.720.011	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	-	14.462.223.300	14.462.223.300	-
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	17.860.267.000	17.860.267.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	4.065.000	4.065.000	-
Cộng	3.518.025.178	135.267.607.861	136.775.713.376	2.009.919.663

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09 - DN****17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	126.208.864.834	76.208.864.834	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (1)	50.000.000.000	50.000.000.000	126.208.864.834	76.208.864.834	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	444.398.678.560	444.398.678.560	344.398.678.560	354.035.375.825	454.035.375.825	454.035.375.825
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	66.553.678.560	66.553.678.560	66.553.678.560	48.053.678.560	48.053.678.560	48.053.678.560
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (3)	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (4)	281.893.000.000	281.893.000.000	181.893.000.000	210.029.697.265	310.029.697.265	310.029.697.265
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (5)	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000
Vay dài hạn	821.957.801.283	821.957.801.283	-	344.398.678.560	1.166.356.479.843	1.166.356.479.843
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	145.991.893.496	145.991.893.496	-	66.553.678.560	212.545.572.056	212.545.572.056
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (3)	244.984.560.000	244.984.560.000	-	60.000.000.000	304.984.560.000	304.984.560.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (4)	341.086.228.811	341.086.228.811	-	181.893.000.000	522.979.228.811	522.979.228.811
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (5)	89.895.118.976	89.895.118.976	-	35.952.000.000	125.847.118.976	125.847.118.976
Cộng	1.316.356.479.843	1.316.356.479.843	470.607.543.394	774.642.919.219	1.620.391.855.668	1.620.391.855.668

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An (OCB) theo hợp đồng tín dụng số 0001/2020/HĐTĐ-OCB-DN ngày 14/01/2020. Hạn mức cho vay tối đa là 50 tỷ đồng theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0001.02/PLHĐTĐ ngày 08/05/2020, hạn mức tín dụng trên đã bao gồm dư nợ và số dư của các khoản cho vay ngắn hạn, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, phát hành L/C mà OCB đã cấp tính đến thời điểm ký hợp đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Riêng thời hạn cho vay không vượt quá 05 tháng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất điện năng. Lãi suất được quy định tại từng kế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (2) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng đồng tài trợ số 01.09.001.286688.TD ngày 18 tháng 8 năm 2009 với 03 ngân hàng gồm Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PVcombank) và Ngân hàng TMCP Bắc Á. Theo phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 08 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 ngân hàng tài trợ bao gồm MB (ngân hàng đầu mối) và PVcombank với tổng số tiền cho vay là 328,78 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực (không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng) của Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024. Lãi suất bằng lãi suất bình quân tham chiếu cộng thêm 3,0%/năm nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung/dài hạn tối thiểu của các bên cho vay. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm. Lãi vay được trả hàng quý. Tài sản đảm bảo của khoản vay là toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- (3) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội gồm:
- Hợp đồng vay số 124.12/HĐTD/II ngày 17 tháng 12 năm 2012 với hạn mức vay là 200 tỷ đồng, số dư gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 80.000.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hủa Na. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024. Lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 ngân hàng công thêm biên độ 2,8%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP An Bình. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất là 8,9%/năm. Lãi vay được trả 06 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
 - Hợp đồng vay số 182/16/TD-TT/II ngày 21 tháng 01 năm 2016 với hạn mức vay là 300 tỷ đồng, số dư gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 224.984.560.000 đồng. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm 20 lần bắt đầu từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026. Lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 ngân hàng công thêm biên độ 2,2%/năm kể từ năm thứ ba. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất là 8,17%/năm. Lãi vay được trả 06 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- (4) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 382/2008/HĐTDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2008, hạn mức vay là 2.240 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay để thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn vay tối đa là 12 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu vào tháng 03 năm 2009. Thời gian ân hạn tối đa là 04 năm kể từ tháng 03 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2013. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2022 (theo phụ lục số 23/2014/HĐSĐBSTDĐT-NHPT ngày 25 tháng 8 năm 2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSĐ-BS-NHPT-NAN ngày 28 tháng 04 năm 2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2020/HĐSĐ,BS-NHPT-NAN ngày 12/03/2020 về việc sửa đổi thời hạn trả nợ gốc, lãi như sau: Điều chỉnh giảm 100 tỷ mức trả nợ gốc 2020 và tăng tương ứng mức trả nợ gốc năm 2022, giữ nguyên mức trả nợ gốc năm 2021), chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân. Tại thời điểm 31/12/2020, lãi suất của các khế ước từ 6,9% đến 8,55%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là các tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05 tháng 03 năm 2012 với hạn mức vay là 400 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Hủa Na. Theo thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16/01/2013, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho công ty thành 371,216 tỷ đồng. Khoản vay sẽ được trả nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2024. Lãi vay bằng lãi suất cơ sở cộng thêm 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội trong thời kỳ đó. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	138.673.153.617	2.466.043.739.238
Lãi trong năm	-	-	-	72.946.658.027	72.946.658.027
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.583.877.832)	(6.583.877.832)
Tại ngày 01/01/2020	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	205.035.933.812	2.532.406.519.433
Tăng vốn trong năm (i)	95.730.000.000	-	6.834.009.700	(6.834.009.700)	95.730.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	33.529.535.788	33.529.535.788
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(6.482.100.000)	(6.482.100.000)
Giảm khác	-	-	(264.032.675)	-	(264.032.675)
Tại ngày 31/12/2020	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.362.677.907	225.249.359.900	2.654.919.922.546

(i) Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HHC-HĐQT ngày 02/03/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty (ESOP) với mục đích bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc, lãi vay ngân hàng và thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của công ty. Đến ngày 19/04/2020, Công ty đã kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu và phát hành được 9.573.000 cổ phiếu, tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu thêm 95.730.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu tăng thêm nêu trên để thanh toán gốc và lãi vay đến hạn.

(ii) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 25/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2020, theo đó:

- Trích quỹ đầu tư, phát triển 6.834.009.700 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6.482.100.000 đồng

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	84,14%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	5,12%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,65%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,86%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	50.164.230.000	2,22%
Cộng	2.352.322.100.000	100%	2.256.592.100.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	235.232.210	225.659.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	235.232.210	225.659.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	225.659.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	235.232.210	225.659.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	225.659.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán điện	521.732.022.921	581.794.980.413
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	82.464.207.838	80.156.632.899
Cộng	604.196.230.759	661.951.613.312

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	329.831.248.597	309.188.406.814
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	82.464.207.838	80.156.632.899
Cộng	412.295.456.435	389.345.039.713

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	133.915.535.852	173.314.455.464
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	1.169.410.909	1.169.410.909
Cộng	135.084.946.761	174.483.866.373

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.664.309.502	16.219.522.633
Chi phí vật liệu quản lý	280.299.327	314.645.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.280.036.429	1.158.152.306
Thuế, phí và lệ phí	4.065.000	4.065.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.624.177	1.835.079.473
Chi phí khác bằng tiền	4.156.127.300	7.270.132.784
Cộng	22.910.461.735	26.801.597.505

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.940.410.274	5.236.098.568
Chi phí nhân công	37.793.955.717	38.926.346.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	282.752.335.096	271.020.534.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.996.910.604	21.260.872.926
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt	82.464.207.838	80.156.632.899
Chi phí khác bằng tiền	7.258.098.641	12.165.161.771
Điều chỉnh giá trị hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	-	(12.619.010.287)
Cộng	435.205.918.170	416.146.637.218

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.466.036.589	77.350.839.538
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	3.263.979.427	4.586.851.842
Thu nhập chịu thuế	38.730.016.016	81.937.691.380
Thuế suất	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.873.001.602	8.193.769.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.936.500.801)	(4.096.884.569)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	307.296.942
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.936.500.801	4.404.181.511

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.529.535.788	72.946.658.027
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(6.482.100.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.529.535.788	66.464.558.027
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	232.687.837	225.659.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	144	295

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm trừ vào lợi nhuận năm 2019 để tính lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết số 25/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định số tiền sẽ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 có thể sẽ thay đổi nếu Công ty có quyết định về việc trích quỹ này trong tương lai.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Cổ đông
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có số dư vào giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	20.026.382.739	20.026.382.739
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	4.932.780.271	4.932.780.271
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	162.319.523	754.834.560
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.937.249.394	2.211.424.760
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.169.410.909	-
Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	212.545.572.056	260.599.250.616

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Phí quản lý		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	-	790.876.610
Phí bảo lãnh		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.169.410.909	1.169.410.909
Phí nhãn hiệu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	725.824.634	2.211.424.760
Trả gốc vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	48.053.678.560	33.253.678.560
Lãi vay đã trả		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	25.300.780.741	29.480.819.390
Mua hàng		
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	4.289.640.455	6.334.916.872
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	3.909.412.674	4.283.353.060
Thu nhập của Ban kiểm soát	788.183.951	867.033.419

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được trình bày lại theo thông báo số 221/TB-KTNN ngày 18/08/2020 của Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết như sau:

	Mã số	31/12/2019	31/12/2019	Ảnh hưởng
		trước điều chỉnh	sau điều chỉnh	
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản dài hạn				
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	20.000.653.836	20.442.254.830	441.600.994
Chi phí trả trước dài hạn	261	6.025.095.159	9.261.396.505	3.236.301.346
Cộng		26.025.748.995	29.703.651.335	3.677.902.340
Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.356.210.110	3.518.025.178	161.815.068
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22.414.533.693	21.324.059.942	(1.090.473.751)
Vốn góp của chủ sở hữu				
LNST chưa phân phối năm nay	421b	68.340.097.004	72.946.658.027	4.606.561.023
Cộng		94.110.840.807	97.788.743.147	3.677.902.340

	Mã số	Năm 2019	Năm 2019	Ảnh hưởng
		trước điều chỉnh	sau điều chỉnh	
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	392.581.341.059	389.345.039.713	(3.236.301.346)
Chi phí khác	32	2.500.956.485	968.881.740	(1.532.074.745)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	72.582.463.447	77.350.839.538	4.768.376.091
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.242.366.443	4.404.181.511	161.815.068
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	68.340.097.004	72.946.658.027	4.606.561.023
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	303	295	(8)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	72.582.463.447	77.350.839.538	4.768.376.091
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	234.332.788	(1.297.741.957)	(1.532.074.745)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(5.617.501.370)	(8.853.802.716)	(3.236.301.346)

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Võ Trung Chính

Giám đốc



Trần Bảo Ngọc

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Số: 154/TTr-HHC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2021
của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, bao gồm:

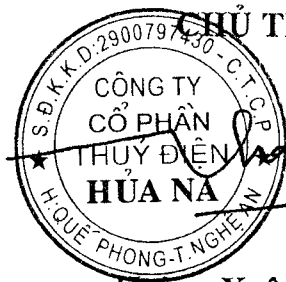
- Kế hoạch tài chính năm 2021 (Phụ lục 01);
- Kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay năm 2021 (Phụ lục 02).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

PHỤ LỤC 01
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2021

*Kèm theo Tờ trình số 154/TTr-HHC-HĐQT ngày 23/ 3 /2021 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na*

DVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
A	Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021			
I	Sản lượng điện 2021	Triệu Kwh	625.20	Kế hoạch SXKD 2021
II	Doanh thu năm 2021	Tỷ đồng	685.49	Kế hoạch SXKD 2021
1	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	683.09	"
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	2.40	"
III	Chi phí sản xuất 2021	Tỷ đồng	616.74	Kế hoạch SXKD 2021
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	Tỷ đồng	13.54	"
2	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	36.47	"
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	287.84	"
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tỷ đồng	55.72	"
5	Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng	Tỷ đồng	90.16	"
6	Chi phí khác	Tỷ đồng	11.05	"
7	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	121.97	"
IV	Lợi nhuận trước thuế 2021	Tỷ đồng	68.75	Kế hoạch SXKD 2021
V	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	161.90	Kế hoạch SXKD 2021
B	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	Tỷ đồng	117.50	Kế hoạch SXKD 2021
I	Kế hoạch đầu tư XDCB	Tỷ đồng	64.80	"
II	Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị, hạ tầng công trình	Tỷ đồng	36.41	"
III	Kế hoạch mua sắm	Tỷ đồng	16.29	"
C	Dòng tiền 2021			
I	Số dư tiền năm 2020 chuyển sang	Tỷ đồng	73.97	
II	Dự kiến dòng tiền thu	Tỷ đồng	1,123.80	
1	Tiền thu bán điện từ EVN	Tỷ đồng	841.42	Dự kiến thu từ T11/2020 đến T10/2021
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	2.40	
3	Thu từ nguồn vay ngắn hạn	Tỷ đồng	29.98	Phụ lục 02
4	Thu từ phát hành trái phiếu	Tỷ đồng	150.00	"
5	Vay bổ sung vốn chi DADT		100.00	"
III	Dự kiến dòng tiền chi	Tỷ đồng	1,063.63	
1	Chi phí O&M (Lương và chi phí QLVH)	Tỷ đồng	116.78	Kế hoạch SXKD 2021
2	Chi phí trả lãi vay	Tỷ đồng	115.25	Phụ lục 02

29007
 CÔNG
 CỐ P
 HUY
 IUA
 HONC

3	Chi phí trả nợ gốc vay	Tỷ đồng	526.38	"
4	Chi nộp NSNN	Tỷ đồng	161.90	Kế hoạch SXKD 2021
5	Chi trả Phí nhân hiệu năm 2019, 2020 và năm 2021 và Phí bảo lãnh	Tỷ đồng	10.13	
6	Chi cho Dự án Đầu tư	Tỷ đồng	133.19	Kế hoạch SXKD 2021 và công nợ DADT còn lại
7	Chia cổ tức	Tỷ đồng	-	Dự kiến sau năm 2022 sau khi cơ bản đã trả hết nợ vay Ngân hàng và trái phiếu thì Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức
IV	Cân đối dòng tiền	Tỷ đồng	134.15	

197430 - C
 3 TY
 HÂN
 ĐIỆN
 NA
 3.T.NGHE

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI VAY NĂM 2021

Kèm theo Trình tự số 124/HHC-HDQT ngày 03/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Ninh

TT	Nội dung	Số giải ngân	Lãi suất	Giá trị trả đến 31/12/2020	Tháng												Tổng
					Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
1	Số ngày trong tháng HBTĐ số 382/2008/HBTĐBT NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000.000.000		622.979.228.811	18.999.131.301	18.512.368.595	18.778.256.301	18.549.502.066	23.557.381.301	23.300.127.066	21.262.881.301	33.115.631.301	32.801.377.066	37.673.881.301	37.345.898.566	34.109.118.251	320.005.536.416
	Trả lãi				3.999.131.301	3.512.368.595	3.778.256.301	3.549.502.066	3.557.381.301	3.300.127.066	3.262.881.301	3.115.631.301	2.801.377.066	2.673.881.301	2.345.898.566	2.216.118.251	38.112.536.416
	Trả gốc				15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	31.893.000.000	281.893.000.000
	- Số vay lãi suất 7,5%/năm			0													
	- Số vay lãi suất 6,9%/năm			413.527.228.811													
	- Số vay lãi suất 14,4%/năm			0													
	- Số vay lãi suất 12,0%/năm			0													
	- Số vay lãi suất 11,4%/năm			0													
	- Số vay lãi suất 10,8%/năm			0													
	- Số vay lãi suất 8,55%/năm			0													
2	HBTĐ số 09/001.266688.TD ngày 18/09/2009 (NHQB)	328.784.000.000		212.545.572.056	0	34.988.198.750	4.133.643.762	0	4.825.697.482	236.412.067	1.071.208.591	1.106.915.544	10.059.208.591	1.021.779.210	936.642.877	906.408.591	48.474.219.852
	Trả lãi					5.578.198.750	266.804.482		4.825.697.482	236.412.067	1.071.208.591	1.106.915.544	10.059.208.591	1.021.779.210	936.642.877	906.408.591	48.474.219.852
	Trả gốc					29.410.000.000	3.866.839.280										
	Số dư giải ngân HBTĐ số 12.08.003/HBTĐ- RUANA ngày 06/5/2012 (NHVTB)	328.784.000.000	11,00%	212.545.572.056													
	Trả lãi					1.076.692.018	1.192.051.877		1.071.208.591	1.071.208.591	1.071.208.591	1.106.915.544	10.059.208.591	1.021.779.210	936.642.877	906.408.591	48.474.219.852
	Trả gốc					8.988.000.000	8.988.000.000										
4	Số dư giải ngân HBTĐ số 124.12/HBTĐ/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	200.000.000.000	11,00%	80.000.000.000													
	Trả lãi																
	Trả gốc																
5	Số dư giải ngân HBTĐ số 182/16/TĐ-TV/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000.000.000	10,22%	80.000.000.000													
	Trả lãi																
	Trả gốc																
6	Số dư giải ngân HBTĐ số chứ DADDT	300.000.000.000	9,03%	224.984.560.000													
	Trả lãi																
	Trả gốc																
7	Số dư giải ngân HBTĐ số phần thanh toán Trả lãi và các loại phí	300.000.000.000	8,9%	100.000.000.000													
	Trả lãi																
	Trả gốc																
8	Số dư giải ngân HBTĐ số Trả nợ gốc	300.000.000.000	8,0%	50.000.000.000													
	Trả lãi																
	Trả gốc																
	Tổng cộng	3.839.319.118.976		1.316.556.479.843													
	Trả nợ gốc:	1.974.696.988		20.328.754.932													
	Trả nợ lãi:	35.000.000.000		35.000.000.000													



Ghi chú: Số liệu tính toán trên cơ sở:
- Lãi suất cơ bản hàng tháng được tính như lãi suất tại Phụ lục 5.1 và PL 5.2 tại QĐ số 56/QĐ-HHC-HDQT ngày 30/12/2020;

Số: 155/TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 10/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 như sau:

1. Mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020.

DVT: đồng

TT	Chức vụ	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
I	Thù lao	216.000.000	216.000.000	
1	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000	5tr/ng/th
2	Ủy viên Ban KS	96.000.000	96.000.000	4tr/ng/th
II	Chi phí hoạt động	288.000.000	272.497.169	
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	288.000.000	272.497.169	
	Cộng	504.000.000	488.497.169	



2. Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.

DVT: đồng

TT	Chức vụ	Định mức/tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền
I	Thù lao				216.000.000
1	Thành viên HĐQT	5.000.000	12	2	120.000.000
2	Ủy viên Ban KS	4.000.000	12	2	96.000.000
II	Chi phí hoạt động				288.000.000
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	3.000.000	12	8	288.000.000
	Tổng cộng				504.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



Số: 156 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ Quy định về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 10/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HHC-HĐQT ngày 05/02/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và

Quyết định số 58/QĐ-HHC-HĐQT ngày 31/12/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 hiệu chỉnh;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Lợi nhuận sau thuế của năm 2020 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na là: 33.529.535.788 đồng, lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 225.249.359.900 đồng. Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

- Trích Quỹ thưởng của người quản lý, mức trích bằng 1 tháng lương bình quân thực hiện, cụ thể là:

Quỹ lương thực hiện của người quản lý năm 2020 là: 4.248.720.000 đồng,



Quỹ lương bình quân 01 tháng là: 354.060.000 đồng

Quỹ thưởng của người quản lý được trích là:

354.060.000 đồng/tháng x 1 tháng = 354.060.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tư triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng)

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, mức trích bằng 02 tháng lương bình quân thực hiện, cụ thể là:

Quỹ lương thực hiện năm 2020 là: 23.588.400.000 đồng.

Quỹ lương bình quân 1 tháng là: 1.965.700.000 đồng.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động được trích là:

1.965.700.000 đồng/tháng x 2 tháng = 3.931.400.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng)

- Lợi nhuận năm 2020 giữ lại chưa phân phối là: 29.244.075.788 đồng, lũy kế lợi nhuận giữ lại chưa phân phối là: 220.963.899.900 đồng.

Năm 2020 do điều kiện thủy văn không thuận lợi, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh lũy kế đến cuối năm 2020 có lãi, nhưng thông qua việc tính toán, cân đối dòng tiền thì Công ty đang gặp áp lực về tài chính do doanh thu thực hiện không đủ bù đắp chi phí hoạt động sản xuất và trả nợ vay các ngân hàng. Nhằm tháo gỡ khó khăn, bảo đảm khả năng trả nợ vay và sản xuất kinh doanh có hiệu quả, ngay trong những tháng đầu năm 2021, Công ty đã triển khai đồng thời các giải pháp như làm việc với các tổ chức tín dụng để thực hiện giãn thời gian trả nợ vay, giảm lãi suất, vay ngắn hạn vốn lưu động để giành nguồn thu bán điện trả nợ ngân hàng, vay trung dài hạn để thanh toán trả nợ cho các nhà thầu tham gia thi công xây dựng, lắp đặt dự án và thanh toán chi phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư còn lại, phát hành trái phiếu doanh nghiệp để cơ cấu nợ. Chính vì những lý do đó, Hội đồng quản trị công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chia cổ tức cho các cổ đông trong kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

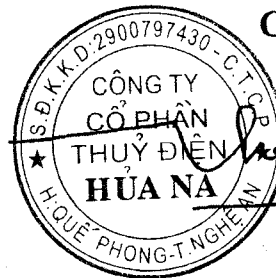
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN LỢC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số: 04/TTr-HHC-BKS

TỜ TRÌNH

V/v: **Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Nhằm thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, có tính cạnh tranh. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;



- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Thu Hà



Số: 157 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 23 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH1 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính ban hành kèm theo quyết định số 75/QĐ-HHC- HĐQT ngày 14/09/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na với những nội dung chính như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
- Loại trái phiếu phát hành: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: Tối đa 150 tỷ VND.
- Thời gian phát hành: Dự kiến Quý II/2021.
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu.
- Giá phát hành: Bằng mệnh giá.
- Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng.
- Lãi suất trái phiếu: Dự kiến 6 tháng đầu bằng 9,9%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng tổng của 2,9% và Lãi Suất Tham Chiếu (LSTC). Trong đó LSTC là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, của 5 ngân hàng bao gồm Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank, MBbank (không rút gốc trước hạn). Tuy nhiên lãi suất áp dụng không thấp hơn 9%/năm.



- “Kỳ Tính Lãi” là mỗi giai đoạn kéo dài liên tục 6 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành.

- Thanh toán gốc: Đến hạn hoặc khi mua lại trước hạn.

- Bảo lãnh thanh toán: Bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- CTCP.

- Mục đích phát hành: Để cơ cấu lại nợ, tăng quy mô vốn hoạt động.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức và thực hiện:

- Sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành (nếu có) và thông qua Phương án phát hành trái phiếu chi tiết đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai việc phát hành trái phiếu theo đúng các quy định của pháp luật;

- Lựa chọn thời gian phát hành trái phiếu, đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của các Cổ đông và Công ty;

- Thực hiện các công việc liên quan khác để hoàn thành đợt trái phiếu theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu VT/TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Tên Cổ đông:

Số thứ tự cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Cổ phần

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Tờ trình Thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Lưu ý:

- Quý cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào một trong ba ô: "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" hoặc "Không ý kiến" lần lượt từng nội dung biểu quyết.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày 15/4/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 15/4/2021 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Hội đồng quản trị. Yêu cầu Công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu năm 2021.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2021, thực hiện các giải cân đối dòng tiền, ưu tiên việc phân chia cổ tức để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Phối hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư Dự án thủy điện Hủa Na.

2. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, với nội dung chính như sau:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| - Sản lượng điện: | 566,83 triệu kWh; |
| - Tổng doanh thu: | 606,06 tỷ đồng; |
| - Tổng chi phí: | 570,59 tỷ đồng; |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 35,47 tỷ đồng; |

- Nộp NSNN: 135,27 tỷ đồng.

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Sản lượng điện: 625,20 triệu kWh;

- Tổng doanh thu: 685,49 tỷ đồng;

- Tổng chi phí: 616,74 tỷ đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: 68,75 tỷ đồng;

- Nộp NSNN: 161,92 tỷ đồng;

- Giá thành: 986,47 đồng/kwh;

- Đào tạo (164 lượt người): 1,09 tỷ đồng;

- Lao động: 117 người.

3. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2020 và kế hoạch kiểm soát năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

4. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

5. Kế hoạch tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

6. Mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020, kế hoạch năm 2021:

a. Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2020 như sau:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 120.000.000 đồng/năm (gồm 02 thành viên kiêm nhiệm, mức thù lao 5.000.000 đồng/người/tháng);

- Thành viên Ban kiểm soát: 96.000.000 đồng/năm (gồm 02 thành viên kiêm nhiệm, mức thù lao 4.000.000 đồng/người/tháng);

- Chi phí hoạt động (hội họp ...): 272.497.169 đồng/năm.

b. Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2021 như sau:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 5.000.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên BKS kiêm nhiệm: 4.000.000 đồng/người/tháng;

- Chi phí hoạt động (hội họp ...): 288.000.000 đồng.

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

Lợi nhuận sau thuế của năm 2020 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na là: 33.529.535.788 đồng, lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 225.249.359.900 đồng, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý là: 354.060.000 đồng (mức trích 01 tháng lương bình quân thực hiện năm 2020).

- Trích Quỹ khen thưởng - phúc lợi Người lao động là: 3.931.400.000 đồng (mức trích 02 tháng lương bình quân thực hiện năm 2020).

- Lợi nhuận năm 2020 giữ lại chưa phân phối là: 29.244.075.788 đồng, lũy kế lợi nhuận giữ lại chưa phân phối là: 220.963.899.900 đồng.

8. Danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

9. Thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na như sau:

a. Phương án phát hành trái phiếu

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- Loại trái phiếu phát hành: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ.

- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: Tối đa 150 tỷ VND.

- Thời gian phát hành: Dự kiến Quý II/2021.

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu.

- Giá phát hành: Bằng mệnh giá.

- Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng.

- Lãi suất trái phiếu: Dự kiến 6 tháng đầu bằng 9,9%/năm. Các kỳ tiếp theo bằng tổng của 2,9% và Lãi Suất Tham Chiếu (LSTC). Trong đó LSTC là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, của 5 ngân hàng bao gồm Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank, MBbank (không rút gốc trước hạn). Tuy nhiên lãi suất áp dụng không thấp hơn 9%/năm.

- “Kỳ Tính Lãi” là mỗi giai đoạn kéo dài liên tục 6 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành.

- Thanh toán gốc: Đến hạn hoặc khi mua lại trước hạn.

- Bảo lãnh thanh toán: Bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- CTCP.

- Mục đích phát hành: Để cơ cấu lại nợ, tăng quy mô vốn hoạt động.

b. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức và thực hiện:

- Sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành (nếu có) và thông qua Phương án phát hành trái phiếu chi tiết đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai việc phát hành trái phiếu theo đúng các quy định của pháp luật;

- Lựa chọn thời gian phát hành trái phiếu, đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của các Cổ đông và Công ty;

- Thực hiện các công việc liên quan khác để hoàn thành đợt trái phiếu theo quy định pháp luật.

Điều 3: Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông (để b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành